

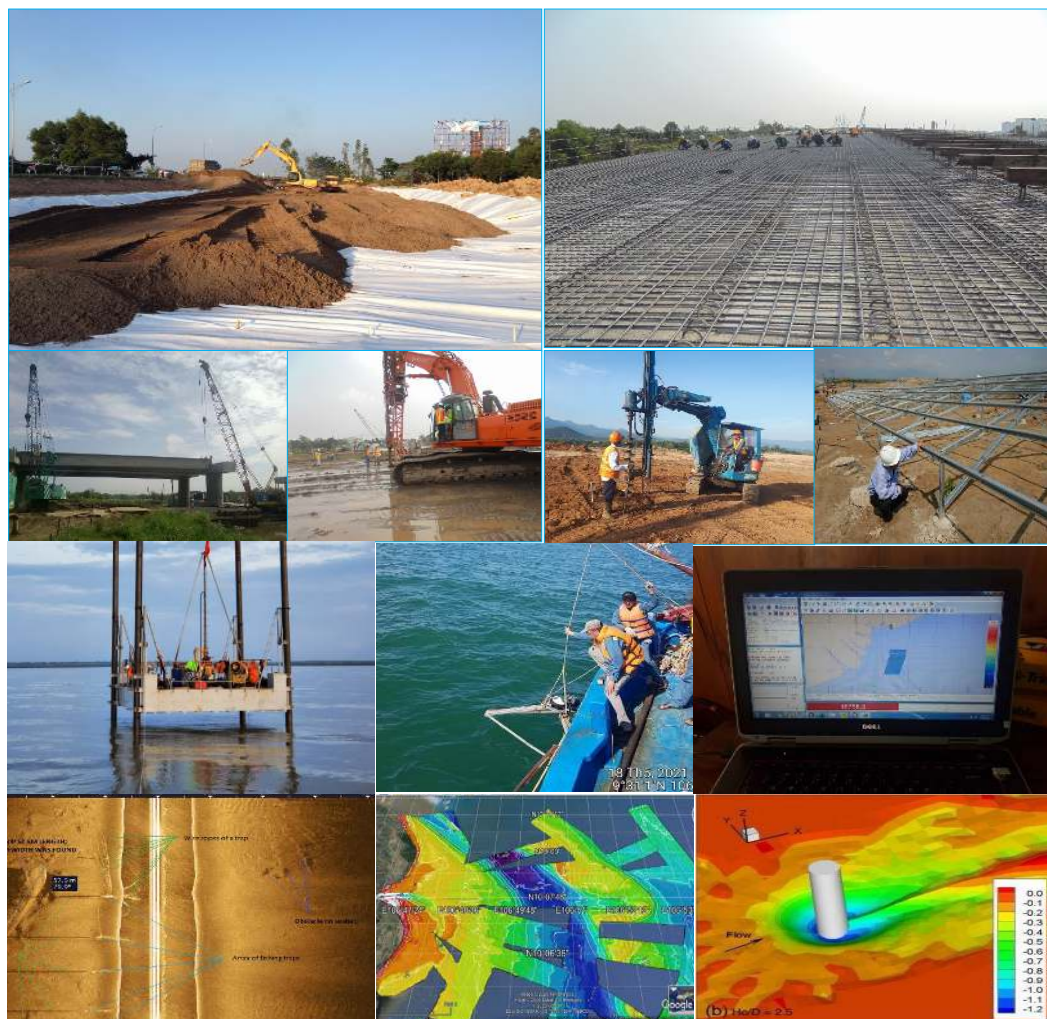


CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG DƯƠNG HOLDINGS
INDOCHINA HOLDINGS CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTANT COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Số 16 Đường 2B, Khu phố 2, P. Phú Hữu, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
Address: No. 16 Street 2B, Quarter 2, Phu Huu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.
Điện thoại/ Tel: 028 6276 2267 Fax: 028 6276 2267 Hotline: 028 6672 5689
Email: info@ihcic.vn ihcic.vn@gmail.com Website: <http://ihcic.vn/>

HỒ SƠ NĂNG LỰC CÔNG TY

COMPANY CAPACITY PROFILE



Hồ Chí Minh, năm 2022

Ho Chi Minh City, 2022

MỤC LỤC - CONTENT

.....☺★☺.....

Trang/ Page

Phần I: Thông tin chung - *Part I: General Information*

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY - SELF INTRODUCTION	3
I.1. Tổng quan Công ty - <i>Company overview</i>	3
I.2. Ngành nghề kinh doanh - <i>Field of Business</i>	4
I.3. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển công ty - <i>Summary of company formation and development</i>	4
I.4. Công ty thành viên - <i>Member company</i>	6
II. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY - ORGANIZATION CHART	8
III. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT CÔNG TY – MAIN COMPANY'S HUMAN RESOURCE	10
IV. CÔNG TRÌNH NỔI BẬT – THE FEATURED PROJECT	15
V. MÁY MÓC, TRANG THIẾT BỊ - MACHINERY AND EQUIPMENT	46
VI. TÓM TẮT DỮ LIỆU TÀI CHÍNH CÔNG TY - SUMMARY OF COMPANY'S FINANCIAL DATA	54
VII. CAM KẾT CỦA CÔNG TY - COMPANY'S COMMITMENT	55

Phần II: Hồ sơ pháp lý công ty – *Part II: Company's legal documents*

- II-1: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - *Certificate of business registration.*
- II-2: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng – *Certificate of construction activity capacity*
- II-3: Chứng nhận chất lượng ISO – *Quality Certificate ISO*
- II-4: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - *Certificate of eligibility for test activities specialized in construction*

Phần IV: Hình ảnh hoạt động Công ty - *Part VI: Pictures of company activities*



PHẦN I - PART I

THÔNG TIN CHUNG – GENERAL INFORMATION



THÔNG TIN CHUNG CÔNG TY

COMPANY GENERAL INFORMATION

☺★

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY - SELF INTRODUCTION

I.1. Tổng quan Công ty - Company overview

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Holdings được thành lập ngày 11 tháng 06 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Indochina Holdings Construction and Investment Consultant Company Limited was established on June 11, 2011 by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Holdings.**

*Company name written in Vietnamese: **Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Holdings.***

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **Indochina Holdings Construction and Investment Consultant Company Limited.**

*Company name written in English: **Indochina Holdings Construction and Investment Consultant Company Limited.***

Tên Công ty viết tắt: **IHCIC Co., Ltd.**

*Abbreviated company name: **IHCIC Co., Ltd.***

Địa chỉ trụ sở chính: Số 16 Đường 2B (khu nhà ở Đại học Bách Khoa), Khu phố 2, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Head office's address: No. 16, 2B Street (University of Technology residential area), Quarter 2, Phu Huu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

Điện thoại/ Tel: 028 6276 2267 Fax: 028 6276 2267 Hotline: 028 6672 5689

Email: info@ihcic.vn ihcic.vn@gmail.com Website: <http://ihcic.vn/>

Vốn điều lệ: **30.000.000.000** đồng (Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng).

*Charter capital: **30,000,000,000 VND (In words: Thirty billion VND)***

Mã số thuế: **0310913546**

*Tax code: **0310913546***

1.2. Ngành nghề kinh doanh - *Field of Business*

Hoạt động kinh doanh của Công ty là cung cấp trọn gói hoặc từng phần các dịch vụ trong lĩnh vực xây dựng bao gồm:

The Company's business is to provide a package or part of services in the field of construction including:

- 1) Khảo sát xây dựng (bao gồm: Địa hình, Địa kỹ thuật, Địa vật lý và Khí tượng - Thủy văn)/ *Construction survey (including: Topography, Geotechnics, Geophysics and Meteorology - Hydrology);*
- 2) Tư vấn thiết kế và giám sát thi công xây dựng/ *Design consultancy and construction supervision;*
- 3) Thi công các công trình Thủy lợi, Giao thông, Hạ tầng kỹ thuật, Dân dụng và Công nghiệp/ *Construction of Irrigation, Traffic, Technical Infrastructure, Civil and Industrial projects;*
- 4) Thiết kế, cung cấp vật tư và thi công xử lý nền móng công trình xây dựng/ *Designing, supplying materials and executing foundation treatment of construction works;*
- 5) Thí nghiệm và Kiểm định chuyên ngành Xây dựng/ *Testing and Verification specialized in Construction;*

Và một số ngành nghề kinh doanh khác không thuộc lĩnh vực xây dựng như/ *And some of other business not in the field of construction such as:*

- 1) Đầu tư xây dựng và cho thuê Bất động sản/ *Construction investment and real estate leasing;*
- 2) Thương mại, dịch vụ và Xuất nhập khẩu/ *Trade, Services and Import-Export;*

1.3. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển công ty - *Summary of company formation and development*

Công ty IHCIC được thành lập ngày 11 tháng 06 năm 2011 trên nền tảng các kỹ sư Tư vấn tham gia vào Dự án Đường Cao tốc Bến Lức - Long Thành cùng Liên danh tư vấn Katahira & Engineers International - Nippon Engineering Consultants Co., Ltd - Oriental Consultants Co., Ltd (Nhật Bản).

IHCIC Company was established on June 11, 2011 on the basis of consulting engineers participating in the Ben Luc - Long Thanh Expressway Project with Joint venture of Katahira & Engineers International - Nippon Engineering Consultants Co., Ltd. - Oriental Consultants Co., Ltd (Japan).

Trong những năm đầu, Công ty chủ yếu hoạt động mạnh mẽ trong lĩnh vực chuyên sâu là Tư vấn thiết kế; Thi công Công trình Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp; Tư vấn giám sát; Khảo sát Xây dựng cho các Công trình Giao thông Cầu đường bộ, nổi bật trong đó là các Dự án trọng điểm như: Dự án đường Cao tốc Bến Lức – Long Thành; Dự án đường hành lang ven biển phía Nam thuộc tiểu vùng sông Mê Kông; Dự án Cầu Cao lãnh và tuyến nối cầu Cao Lãnh – cầu Vàm Cống

thuộc Dự án kết nối khu vực trung tâm Đồng bằng Mêkông; Dự án đường Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi thuộc hệ thống đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Tây; Dự án Đường Liên cảng Cái Mép – Thị Vải; Dự án Đường 991B; Dự án đường Phước Hòa – Cái Mép...

In the early years, the Company mainly operated strongly in the specialized field of Design Consulting; Construction of Civil and Industrial project; Construction Supervision; Construction surveying for Traffic road and bridge, prominent among which are key projects such as: Ben Luc - Long Thanh Expressway Project; The Southern Coastal Corridor Project in the Mekong sub-region; Cao Lanh Bridge Project and the route connecting Cao Lanh Bridge - Vam Cong Bridge belongs to the Project connecting the central region of the Mekong Delta; The Lo Te - Rach Soi Expressway Project belongs to the North - South Expressway system in the West; Cai Mep - Thi Vai Interport Road Project; Road Project 991B; Phuoc Hoa – Cai Mep Road Project...

Từ năm 2015, Công ty IHCIC phát triển quy mô, tăng vốn điều lệ, chuyển đổi mô hình với một số ngành nghề bổ sung như sau:

Since 2015, IHCIC Company has grown in size, increased its charter capital, and transformed model with some additional business fields as follows:

- 1) Tư vấn xây dựng công trình biển (offshore) với các dịch vụ chủ yếu về khảo sát Địa hình, Địa chất, Địa vật lý và Khí tượng - Thủy hải văn, kể từ thời điểm đó đến nay, bằng sự đầu tư mạnh mẽ về trang thiết bị công nghệ cũng như sự tổ chức bài bản chuẩn theo ISO 9001:2015, Công ty IHCIC chúng tôi đã nhanh chóng trở thành một trong những Công ty chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực này, đặc biệt có uy tín đối với các Chủ đầu tư hoặc Tổng thầu EPC của các Dự án có quy mô lớn như Công trình Dầu khí, Điện gió, Cảng biển.....
- 1) *Offshore construction consultancy with major services on Topographic, Geological, Geophysical and Meteorological - Hydrographic survey, since that time until now, by strongly investment in technology equipment as well as standard organization accordingly to ISO 9001:2015, our company IHCIC has quickly become one of the leading professional companies in Vietnam in this field, especially reputable with Investors or EPC General Contractors of the large scale projects such as Oil and Gas Works, Wind Power, Seaports....*
- 2) Hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng với Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và ISO/IEC 17025 và sự đầu tư mạnh mẽ vào máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại của những hãng sản xuất nổi tiếng trên thế giới như Matest, Controls (Ý), Humbolt, Geokon, Durham Geo Slope Indicator(Mỹ), Geomil (Hà Lan, Geotech (Thụy Điển)....
- 2) *Operating a specialized construction laboratory with Quality Management System ISO 9001:2015 and ISO/IEC 17025 and strong investment in modern and advanced machinery and technological equipment of famous manufacturers in the world such as Matest, Controls (Italy), Humbolt, Geokon, Durham Geo Slope Indicator (USA), Geomil (Netherlands, Geotech (Sweden)*
- 3) Thi công xây dựng công trình Nhà dân dụng bằng tấm bê tông xi măng đúc sẵn WPC (Wall precast concrete) theo công nghệ Nhật Bản.
- 3) *Construction of house with precast cement concrete panels WPC (Wall precast concrete) according to Japanese technology.*

- 4) Thi công xây dựng công trình Giao thông cầu đường bộ và Hạ tầng kỹ thuật trên nền đất yếu với việc áp dụng các giải pháp xử lý nền bằng công nghệ cọc Xi măng - Đất (CDM) hoặc Bấc thấm kết hợp bơm hút chân không (VCM).
- 4) *Construction of roads and bridges and technical infrastructure on soft ground with the application of foundation treatment solutions using Cement - Soil column technology (CDM) or Absorbent wick combined with suction pump vacuum (VCM).*



Hình 1: Trụ sở chính Công ty IHCC/ Picture 1: IHCC Company Head office

1.4. Công ty thành viên - Member company

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Holdings có 02 Công ty thành viên (01 ở Việt Nam và 01 Công ty ở Campuchia) với các dịch vụ chính như sau:

Indochina Holdings Construction and Investment Consultant Co., Ltd has 02 member companies (01 in Vietnam and 01 company in Cambodia) with the following main services:

1) Công ty TNHH Địa kỹ thuật và Xây dựng CNC Việt Nhật (VNGC-Hitech)

Công ty VNGC-Hitech được thành lập năm 2017, có trụ sở đăng ký tại 299H12, đường 3, KDC Sông Giồng, P. An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM trên cơ sở hợp tác toàn diện giữa công ty IHCC và công ty STVN (Something Group-Nhật Bản), chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực tư vấn địa kỹ thuật; thí nghiệm cơ học đất, đá và vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình; xây dựng công trình cầu, đường, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, dân dụng và công nghiệp; thiết kế và thi công trọn gói xử lý nền móng công trình....

1) Viet Nhat High Technology Geotechnics and Construction Co., Ltd (VNGC-Hitech)

VNGC- Hitech Company was established in 2017, registered office at 299 H12, street 3, Song Giong residential area, An Phu ward, Thu Duc city, HCMC on the basis of comprehensive cooperation between IHCIC company and STVN company (Something group-Japan), mainly operating in the field of geotechnical consulting; testing soil, rock and construction materials mechanics; construction quality inspection; construction of bridges, roads, technical infrastructure system, civil and industry; full design and construction of foundation treatment package....



Hình 2: Văn phòng Công ty VNGC Hi-Tech (Tp. HCM)

Picture 2: VNGC Hi-Tech (HCMC)

2) Công ty TNHH Địa kỹ thuật và Xây dựng Á Châu (Asia G&C)

Công ty Asia G&C được thành lập năm 2019 tại thủ đô Phnompenh, có trụ sở đăng ký tại Lầu 2, Tháp Orient Tower, Tòa nhà Casa by Meridian, Unit A01-01 No.01, đường Harvard, Đảo Kim Cương, Thủ đô Phnom Penh, vương quốc Campuchia trên cơ sở hợp tác toàn diện giữa công ty IHCIC và công ty STVN (Something Group-Nhật Bản), chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực tư vấn địa kỹ thuật; thí nghiệm cơ học đất, đá và vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình; xây dựng công trình cầu, đường, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, dân dụng và công nghiệp; thiết kế và thi công trọn gói xử lý nền móng công trình....

2) Asia Geotechnical and Construction Co., Ltd (Asia G&C)

Asia G&C Company was established in 2019, registered office at 2nd Floor, Orient Tower, Casa by Meridian High Building, Unit A01-01 No.01, Harvard street, Diamond island, Phnom Penh capital, kingdom of Cambodia on the basis of comprehensive cooperation between IHCIC company and STVN company (Something group-Japan), mainly operating in the field of geotechnical consulting; testing soil, rock and construction materials mechanics; construction quality inspection; construction of bridges, roads, technical infrastructure system, civil and industry; full design and construction of foundation treatment package....



Hình 3: Văn phòng Công ty Asia G&C bên trong Tòa nhà Casa by Meridian ở Phnom Penh

Picture 3: Asia G&C Company office inside Casa by Meridian building in Phnom Penh

II. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY - ORGANIZATION CHART

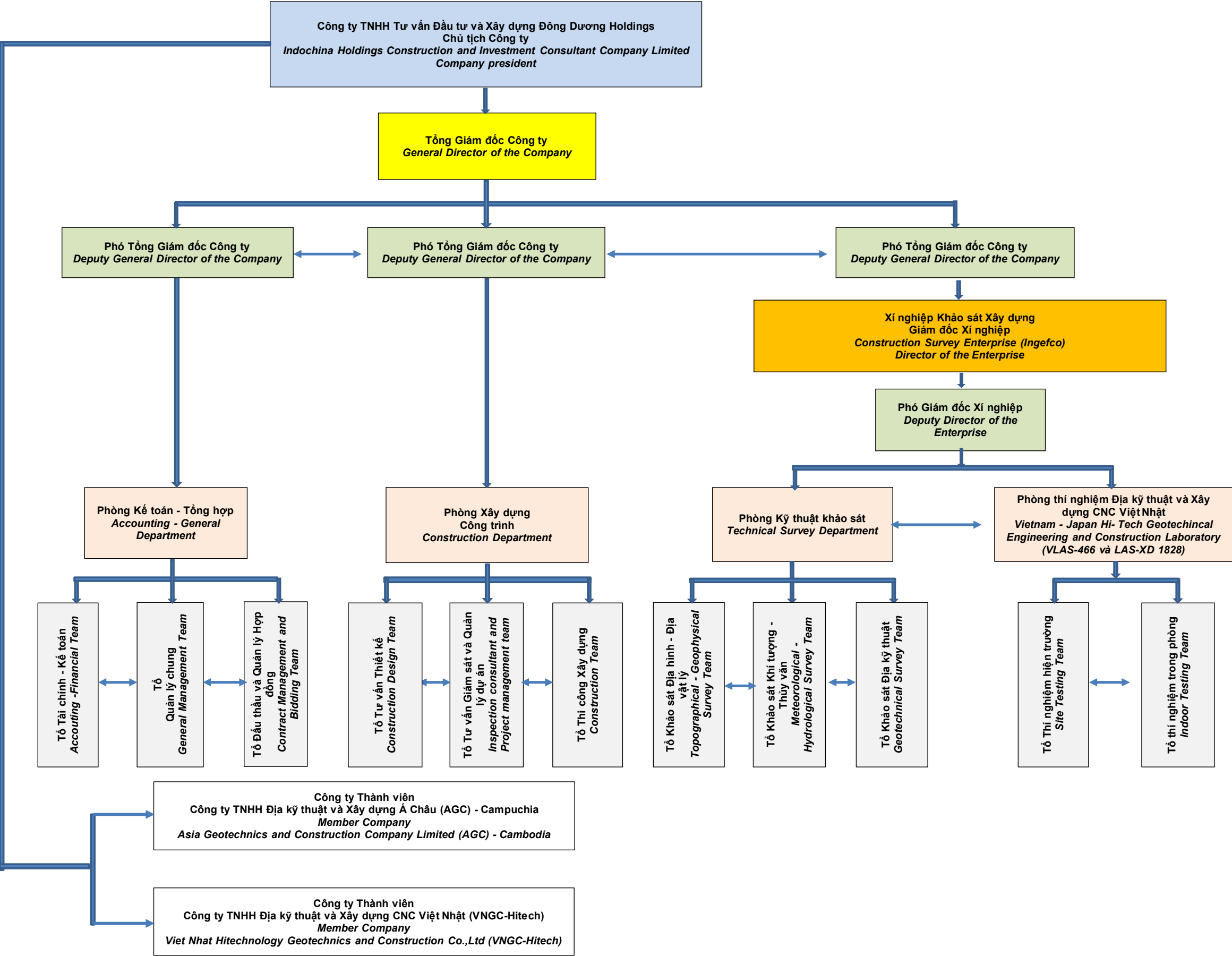
Công ty bao gồm các Phòng ban như sau:

Company includes the following departments:

- Hội đồng Thành viên/ Council of Members
- Ban Giám đốc Công ty/ Board of Directors of the Company
- Phòng Kế toán - Tổng hợp/ Accounting - General Department
- Phòng Xây dựng Công trình/ Construction Department
- Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng/ Construction Survey Enterprise
 - o Ban Giám đốc Xí nghiệp/ Board of Directors of the Enterprise
 - o Phòng Kỹ thuật khảo sát/ Technical Survey Department
 - o Phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật và Xây dựng CNC Việt Nhật/ Vietnam - Japan High Technology Geotechnical Engineering and Construction Laboratory

Sơ đồ tổ chức công ty như sau - *Company's organization as the below chart:*

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG DƯƠNG HOLDINGS
ORGANIZATION CHART OF INDOCHINA HOLDINGS CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTANT COMPANY LIMITED



III. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT CÔNG TY – MAIN COMPANY’S HUMAN RESOURCE

Chúng tôi, với đội ngũ nhân sự tập hợp những chuyên gia, kỹ sư giỏi, giàu kinh nghiệm và nhiệt huyết đã được các Chủ đầu tư, khách hàng chấp thuận cho phép tham gia rất nhiều Dự án lớn ở Việt Nam và Campuchia, điển hình là các Dự án như: Đường cao tốc Bến Lức – Long Thành, Đường cao tốc Long Thành – Dầu Giây; Đường Liên cảng Cái Mép – Thị Vải; Cống thủy Lợi Thủ Bộ; Cao ốc ACB Square; Chung cư Sunview; Dự án kết nối khu vực trung tâm Đồng bằng Mekong -Tuyến nối giữa cầu Cao Lãnh và cầu Vàm Cống – Gói thầu CW2A; Dự án Nâng cấp Quốc Lộ 5 (Campuchia); Dự án khu đô thị Aqua City; Dự án Điện gió Tân Phú Đông (150MW); Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 1 và Đông Thành 2 (200MW); Dự án nhà máy Điện gió Bình Đại giai đoạn 2,3 (330MW).....

We, with a team of highly qualified, experienced and enthusiastic experts and engineers, have been approved by investors and customers to participate in many big projects in Vietnam and Cambodia, typically projects such as: Ben Luc - Long Thanh expressway, Long Thanh - Dau Giay expressway; Cai Mep - Thi Vai Interport road; Thu Bo irrigation sluice; ACB Square building; Sunview apartment; Connecting the central area of the Mekong Delta -The connection between Cao Lanh bridge and Vam Cong bridge Project- Package CW2A; Upgrading national highway No. 5 project (Cambodia) ; Aqua City urban area project; Tan Phu Dong Wind Power Project (150MW); Dong Thanh 1 and Dong Thanh 2 wind power plant projects (200MW); Binh Dai wind power plant project phase 2,3 (330MW)

Bảng 1: Danh sách nhân sự chủ chốt Công ty

Table 1: List of company’s human resource

STT No	Họ tên Full name	Năm sinh Year of birth	Nghề nghiệp chuyên môn Major occupation	Chức danh công việc Work position	Kinh nghiệm Work experience (năm/ years)
I	Ban Tổng Giám đốc Board of General Director				
1	Nguyễn Ngọc Bảo	1980	Kỹ sư Địa chất công trình - Địa kỹ thuật Thạc sĩ Xây dựng Công trình Giao thông Geotechnical Engineer Master's Degree in Traffic Engineering	Chủ tịch Chair man	19
2	Mr. Lê Khánh Hiệp	1983	Kỹ sư xây dựng Cầu Đường Brigde and Road Construction engineer	Tổng Giám đốc General Director	15
3	Nguyễn Thế Hoàng	1979	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	P. Tổng Giám đốc Deputy General Director	19
4	Mr. Phạm Xuân Phong	1989	Kỹ sư trắc địa và bản đồ/ Surveying and mapping	P. Tổng Giám đốc Deputy General	9

STT No	Họ tên Full name	Năm sinh Year of birth	Nghề nghiệp chuyên môn Major occupation	Chức danh công việc Work position	Kinh nghiệm Work experience (năm/ years)
			engineering	Director	
II	Phòng xây dựng công trình Construction Department				
1	Nguyễn Viết Hải	1977	Kỹ sư Địa chất công trình - Địa kỹ thuật Thạc sĩ Xây dựng Công trình Giao thông Geotechnical Engineer Master's Degree in Traffic Engineering	T. Phòng Chief of Dept	19
2	Mr. Trịnh Văn Thi	1981	Thạc sĩ - Kỹ sư xây dựng Cầu Đường Road and Bridge Engineer Master's Degree in Traffic Engineering	P. Phòng Deputy chief of dept	15
3	Mr. Cao Tiến Dũng	1989	Thạc sĩ - Kỹ sư xây dựng Cầu Đường Road and Bridge Engineer Master's Degree in Traffic Engineering	P. Phòng Deputy chief of dept	11
4	Mr. Nguyễn Đức Lập	1988	Kỹ sư xây dựng Cầu Đường. Brigde and Road Construction Engineer.	CBKT Technical staff	10
5	Mr. Nguyễn Minh Tuấn	1977	Kỹ sư xây dựng Cầu Đường. Brigde and Road Construction Engineer.	CBKT Technical staff	20
6	Mr. Kiều Đình Dũng	1994	Kỹ sư xây dựng công trình giao thông Civil Engineering Engineer Transport Works	CBKT Technical staff	05
7	Mr. Nguyễn Thế Vương	1965	Kỹ sư xây dựng Cầu Đường. Brigde and Road Construction Engineer.	CBKT Technical staff	>25
8	Mr. Trần Văn Tâm	1971	Kỹ sư xây dựng Cầu Đường. Brigde and Road Construction Engineer.	CBKT Technical staff	15
9	Mr. Nghiêm Ngọc Thanh	1976	Kỹ sư xây dựng Dân dụng Công Nghiệp Civil Engineer.	CBKT Technical staff	25
10	Mr. Nguyễn Thanh Khiết	1986	Kỹ sư xây dựng Dân dụng Công Nghiệp Civil Engineer.	CBKT Technical staff	8
11	Mr. Đặng Kim Phụng	1988	Kỹ sư xây dựng Dân dụng	CBKT	10

STT No	Họ tên Full name	Năm sinh Year of birth	Nghề nghiệp chuyên môn Major occupation	Chức danh công việc Work position	Kinh nghiệm Work experience (năm/ years)
			Công Nghiệp Civil Engineer.	Technical staff	
12	Mr. Phạm Thống Nhất	1981	Kỹ sư xây dựng Dân dụng Công Nghiệp Civil Engineer.	CBKT Technical staff	14
13	Mr. Đặng Long Phi	1984	Kỹ sư Điện khí Hóa và cung cấp điện Technical Engineer and provide Electrical	CBKT Technical staff	12
14	Mr. Lê Duy Chiến	1992	Kỹ sư Hệ Thống Điện Electrical System Engineer	CBKT Technical staff	05
15	Mr. Bùi Trung Kiên	1983	Kỹ sư xây dựng Cầu Đường. Brigde and Road Construction Engineer.	CBKT Technical staff	15
16	MS. Phạm Thị Bích Thùy	1975	Cử nhân Kinh tế xây dựng Economic construction Bachelor	CBKT Technical staff	20
17	MS. Trần Thị Vân	1985	Kinh tế xây dựng Economic construction Bachelor	CBKT Technical staff	11
III	Phòng Kế toán – Tổng hợp Accounting – General Department				
1	Ms. Mai Thị Phương Thảo	1992	Cử nhân Kinh tế Bachelor of Economic.	T. Phòng Chief of Dept.	8
2	Ms. Nguyễn Thị Kim Xuyên.	1977	Cử nhân Kinh tế Bachelor of Economic. Kế toán trưởng Chief accountant.	P. Phòng Vice. Chief of Dept. KT trưởng. Chief accountant	20
3	Ms. Lâm Thị Phương	1991	Cử nhân Kinh tế Bachelor of Economic.	Nhân viên Staff	05
4	Ms. Lê Thị Diệp	1988	Cử nhân Kinh tế Bachelor of Economic.	Nhân viên Staff	09
5	Ms. Trần Thị Kim Lan	1988	Cử nhân Kinh tế. Bachelor of Economic	Nhân viên Staff	09
6	Mr. Võ Nhật Duy	1990	Cử nhân Kinh tế. Bachelor of Economic	Nhân viên Staff	06
IV	Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng Construction Survey Enterprise				
IV.1	Ban Giám đốc Xí nghiệp Enterprise Board of Directors				
1	Mr. Lê Hoài Hân	1995	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	Giám đốc XN Enterprise Director	5
2	Mr. Trịnh Ngọc	1980	Kỹ sư Địa kỹ thuật/	Phó Giám đốc XN	18

STT No	Họ tên Full name	Năm sinh Year of birth	Nghề nghiệp chuyên môn Major occupation	Chức danh công việc Work position	Kinh nghiệm Work experience (năm/ years)
			Geotechnical Engineer.	Enterprise Deputy Director	
3	Mr. Mai Đức Trần	1987	Cử nhân Hải Dương, Khí tượng và thủy văn Master's Meteorological - Hydrological	Phó Giám đốc XN Enterprise Deputy Director	11
IV.2	Phòng Kỹ thuật khảo sát Construction Survey Department				
1	Mr. Phạm Ngọc Bình	1997	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	T. Phòng Chief of Dept.	2
2	Nguyễn Đặng Tấn Hậu	1997	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	P. Phòng Vice. Chief of Dept.	2
3	Mr. Trần Văn Dũng	1991	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff	8
4	Tổng Đức Kiêm	1983	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff	14
5	Mr. Nguyễn Duy Khang	1996	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff	1
6	Mr. Nguyễn Linh Phương	1984	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer..	CBKT Technical staff	14
7	Mr. Trần Duy Tân	1997	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff	2
8	Mr. Nguyễn Cảnh Đạt	1997	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff	2
9	Mr. Phạm Văn Hùng	1992	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff	6
10	Mr. Lê Thanh Vinh	1981	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff	15
11	Mr. Nguyễn Thành Trung	1984	Kỹ sư trắc địa và bản đồ/ Surveying and mapping engineering	CBKT Technical staff	14
12	Mr. Nguyễn Văn Vương	1990	Kỹ sư trắc địa và bản đồ/ Surveying and mapping engineering	CBKT Technical staff	8
13	Mr. Võ Đức Mỹ	1980	Kỹ sư trắc địa/ Geodetic engineering	CBKT Technical staff	18
14	Mr. Nguyễn Mạnh Đồng	1990	Kỹ sư trắc địa và bản đồ/ Surveying and mapping engineering	CBKT Technical staff	8
15	Mr. Lê Đức Vinh	1986	Cử nhân Hải Dương, Khí tượng và thủy văn / Meteorological – Hydrological engineering	CBKT Technical staff	12
16	Mr. Nguyễn Trương	1986	Cử nhân Hải Dương, Khí	CBKT	12

STT No	Họ tên Full name	Năm sinh Year of birth	Nghề nghiệp chuyên môn Major occupation	Chức danh công việc Work position	Kinh nghiệm Work experience (năm/ years)
	Thanh Hội		tượng và thủy văn / Meteorological – Hydrological engineering	Technical staff	
17	Mr. Ngô Minh Hưởng	1984	Kỹ sư thủy văn / Meteorological – Hydrological engineering	CBKT Technical staff	14
IV.3	Phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật và Xây dựng CNC Việt - Nhật Vietnam – Japan High technology Geotechnical and Construction Laboratory				
1	Mr. Huỳnh Quốc Dương Thanh	1996	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	T. Phòng Chief of Dept.	5
2	Mr. Nguyễn Minh Dự	1996	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	P. Phòng Vice. Chief of Dept.	3
3	Ms. Phạm Thị Hồng Dung	1981	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff.	17
4	Mr. Phạm Hoàng Hưng	1992	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff.	7
5	Mr. Tạ Bá Ánh		Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff.	7
6	Mr. Nguyễn Văn Bình	1996	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff.	3
7	Ms. Tăng Y Phụng	1998	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff.	2
8	Mr. Trần Văn Viên	1996	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff.	1
9	Mr. Trương Xuân Hiển	1979	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff.	19
10	Mr. Nguyễn Xuân Thắng	1982	Kỹ sư Địa kỹ thuật/ Geotechnical Engineer.	CBKT Technical staff.	15
11	Mr. Hồ Đình Chiến	1984	Chứng chỉ Thí nghiệm viên Tester's Certificate	Thí nghiệm viên Tester	12
12	Mr. Nguyễn Thế Đào	1977	Chứng chỉ Thí nghiệm viên Tester's Certificate	Thí nghiệm viên Tester	25
13	Mr. Nguyễn Hoàng Khôi	1984	Chứng chỉ Thí nghiệm viên Tester's Certificate	Thí nghiệm viên Tester	10
14	Mr. Phạm Quang Lâm	1993	Chứng chỉ Thí nghiệm viên Tester's Certificate	Thí nghiệm viên Tester	5
15	Ms. Nguyễn Thị Trinh	1996	Chứng chỉ Thí nghiệm viên Tester's Certificate	Thí nghiệm viên Tester	3

STT No	Họ tên Full name	Năm sinh Year of birth	Nghề nghiệp chuyên môn Major occupation	Chức danh công việc Work position	Kinh nghiệm Work experience (năm/ years)
16	Ms. Trần Thị Diễm My	1990	Chứng chỉ Thí nghiệm viên Tester's Certificate	Thí nghiệm viên Tester	6
17	Mr. Thái Quốc Toàn	1983	Chứng chỉ Thí nghiệm viên Tester's Certificate	Thí nghiệm viên Tester	15
18	Ms. Trần Thị Phi	1988	Chứng chỉ Thí nghiệm viên Tester's Certificate	Thí nghiệm viên Tester	10
V	Chuyên gia cố vấn kỹ thuật Technical advisory experts				
1	Mr. Nguyễn Thành Đạt	1967	Phó Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học Công trình Giao thông Associate Professor, Doctor of Science Transport projects	Chuyên gia Expert	>25
2	Mr. Trương Thiên Khang	1982	Thạc sĩ kỹ sư xây dựng Master civil Engineer.	Chuyên gia Expert	10
3	Mr. Nguyễn Công Oanh	1977	Kỹ sư xây dựng DD và CN. Civil Engineer.	Chuyên gia Expert	18

IV. CÔNG TRÌNH NỔI BẬT – THE FEATURED PROJECT

Với slogan “Niềm tin của bạn, thành công của chúng tôi”, trong thời gian gần 12 năm hình thành và phát triển của mình, bằng tất cả sự cố gắng nỗ lực của ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty và sự đầu tư không ngừng vào các thiết bị khoa học kỹ thuật hiện đại của các hãng sản xuất nổi tiếng thế giới, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Holdings đã nhận được trọn vẹn niềm tin từ rất nhiều đối tác lớn trong và ngoài nước như: Tập đoàn Power China (Trung Quốc), Tập đoàn Thành Thành Công (TTC group), Tập đoàn Something Group (Nhật Bản), Tập đoàn Novaland Group, Tập đoàn Trung Thủy Group, Tập đoàn Khang Thông Group, Ngân hàng Sacombank, Ngân hàng ACB, Công ty TANIMEX, Ngân Hàng Vietinbank, Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PTSC, Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC (PTSC M&C)....

With the slogan "Your belief, our success", during nearly 12 years of its formation and development, with all the efforts of the leadership and all employees of company and the continuous investment in modern scientific technical equipment of world famous manufacturers, Indochina Holdings Construction and Investment Consultant Co., Ltd. has received full trust from many major domestic and foreign partners such as: Power China Group (China), Thanh Thanh Cong Group (TTC group), Something Group (Japan), Novaland Group, Trung Thuy Group, Sacombank, ACB bank, TANIMEX Company, Vietinbank, PetroVietnam Technical Services Joint Stock Corporation - PTSC, PTSC Marine Mechanical Services Co., Ltd (PTSC M&C).....

Bảng 2: Bảng thống kê Công trình tiêu biểu đã thực hiện

Table 2: Statistical table of finished typical projects

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
I	Tư vấn thiết kế, Giám sát; Khảo sát xây dựng Design, Supervision consultancy; Construction survey		
1	Dự án điện mặt trời Văn Giáo 2 (50MWp) <i>Văn Giáo 2 Solar Power Plant (50MWp)</i>	Tỉnh An Giang <i>An Giang province</i>	Công ty TNHH Kỹ Thuật khảo sát Việt. <i>Viet Survey Technology Co., Ltd</i>
2	Nhà máy điện mặt trời Thịnh Long Phú Yên <i>Solar farm Thịnh Long Phu Yen</i>	Tỉnh Phú Yên. <i>Phu Yen province</i>	Công ty Cổ phần Copom Thương mại và Công Nghệ <i>Copom Trading and Technology Joint Stock Company</i>
3	Dự án Nhà máy điện gió Bình Đại <i>Binh Dai wind farm plant</i>	Xã Thạnh Phú, Huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre <i>Commune Thanh Phu, District Binh Dai, Ben Tre province</i>	Công ty TNHH Kỹ Thuật khảo sát Việt. <i>Viet Survey Technology Co., Ltd</i>
4	Dự án Nhà máy điện gió Bạc Liêu giai đoạn III (142MW) <i>Bac Lieu wind farm plant phase III (142MW)</i>	Phường Nhà Mát, Tp Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu <i>Nha Mat Ward, Bac Lieu city, Bac Lieu Province</i>	Công ty TNHH Kỹ Thuật khảo sát Việt. <i>Viet Survey Technology Co., Ltd</i>
5	Dự án Nhà máy điện gió Sóc Trăng giai đoạn I <i>Soc Trang wind farm plant phase I (30MW)</i>	Tỉnh Sóc Trăng <i>Soc Trang Province</i>	Công ty TNHH Kỹ Thuật khảo sát Việt – (China Power Group) <i>Viet Survey Technology Co., Ltd</i>
6	Dự án nhà máy điện gió Bình Đại tại Việt Nam (Phase 1,2,3) <i>Binh Dai wind power Plant in Viet Nam (giai đoạn 1,2,3)</i>	Xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre <i>Commune Thua Duc, District Binh Dai, Ben Tre province</i>	Power China HuaDong Engineering Corporation Limited
7	Dự án nhà máy điện gió Tân Phú Đông <i>Tan Phu Dong wind power Plant</i>	Xã Tân Thành, Xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang <i>Commune Tan Thanh, Phu Tan, District Tan Phu Dong, Tien Giang province</i>	Công ty CP năng lượng điện gió Tiền Giang <i>Tien Giang Wind and Power Joint Stock Company</i>
8	Dự án nhà máy điện gió VPL Bến Tre <i>VPL wind power Plant</i>	Xã Thừa Đức, xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre <i>Commune Thua Duc, Thoi Thuan, District Binh Dai, Ben Tre province</i>	China Power Construction Engineering Consulting Co., Ltd
9	Dự án nhà máy điện gió Hiep Thanh (Tra Vinh) – 78MW tại Việt Nam)	huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Power China HuaDong Engineering Corporation

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
	Hiep Thanh (Tra Vinh) Wind Power Plant - 78MW	District Duyen Hai, Tra Vinh province	Limited
10	Dự án nhà máy điện Tra Vinh V1-2 tại Việt Nam Tra Vinh V1-2 Wind Power Plant – in Viet Nam	huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh District Duyen Hai, Tra Vinh province	Power China HuaDong Engineering Corporation Limited
11	Dự án Nhà máy điện gió Nexif Energy Bến Tre Nexif Energy Ben Tre Wind Power Project	Huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre Thanh Phu district – Ben Tre province	SEPCOIII Electric power construction Co., Ltd
12	Dự án Nhà máy điện gió Sóc Trăng Số 02 30MW tại Việt Nam Soc Trang No.02 30MW wind farm project in Viet Nam	Tỉnh Sóc Trăng Soc Trang Province	China Power Engineering Consulting Group New Energy Co.,Ltd
13	Dự án nhà máy điện gió Đồng Thành 1 và Đồng Thành 2 (200MW) Dong Thanh 1 and Dong Thanh 2 Wind Power plant project (200MW)	Tỉnh Trà Vinh Tra Vinh province	PowerChina Viet Nam limited Company
14	Dự án Nhà máy điện gió Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1 Khai Long - Ca Mau phase 1 wind farm project	Tỉnh Cà Mau Ca Mau province	BCG Khai Long Wind Power Joint Stock Company (BCG)
15	Dự án nhà máy điện gió Banpu Vĩnh Châu – Nhà máy điện gió số 3 – Giai đoạn 1 Banpu Vinh Chau – Wind power plant No.3 phase 1	Tỉnh Sóc Trăng Soc Trang Province	Powerchina International Group Limited Vinh Chau Wind
16	Dự án nhà máy điện gió Lạc Hòa 1 Lac Hoa 1 wind farm project	Tỉnh Sóc Trăng Soc Trang Province	PowerChina Viet Nam limited Company
17	Khu xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Tân Bình. Wastewater treatment center at Tan Binh Industrial Park.	Khu CN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM. Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward, Tan Phu district, HCMC.	Công ty CP SXKD XNK Dịch vụ & Đầu tư Tân Bình. TANIMEX Corp.
18	Minh phúc Building Minh phuc Building	Số 141D, Phan Đăng Lưu, P. 12, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM. 141D, Phan Dang Luu street, Ward 12, Phu Nhuan district, HCMC	CN Công ty TNHH TV – TK – XD Phú Gia Huy. Phu Gia Huy Consultancy – Design – Construction.
19	Cầu trên Đường D11A. Brigde on D11A road.	Khu dân cư Ấp 4, xã Thới Hoà, huyện Bến Cát – tỉnh Bình Dương.	Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp. Becamex IDC Corp.

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
		Residential area at hamlet 4, Thoi Hoa Hamlet – Ben Cat District – Binh Duong province	
20	Đường Liên Cảng Thị Vải – Cái Mép. Road from Thi Vai Port to Cai Mep Port	Huyện Tân Thành – Tỉnh BRVT. Tan Thanh District – BRVT Province.	Công ty CP TV ĐTXD Giao ong Bà Rịa – Vũng Tàu. BR-VT Investment Construction Transport Consultancy JSC.
21	Golden Bowl Office and Apartment	Số 206 Nguyễn Đình Chiểu, P.6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh. 206 Nguyen Dinh Chieu Street, Ward 6, 3 District, HCMC.	Công ty TNHH TV – TK – XD Phú Gia Huy. Phu Gia Huy Consultancy – Design – Construction. Co.,Ltd.
22	Cụm chung cư cao tầng tại Khu Công nghiệp Tân Bình. Apartment building blocks at Tan Binh industrial zone.	Khu Công Nghiệp Tân Bình, P. Tây Thạnh, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh. Tan Binh IP, Tan Thanh Ward, Binh Tan Province, HCMC	Công ty CP SXKD XNK Dịch vụ & Đầu tư Tân Bình. TANIMEX Corp.
23	Cụm dân cư LE' S VILLA. LE' S VILLA residential area.	Khóm 3, Phường 1, Thị xã sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp. Hamlet 3, Ward 1, Sa Dec town, Dong Thap Province	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại & Dịch vụ Lê Anh. Le Anh Manufacturing- Trade and Services Co.,Ltd.
24	Khu xử lý nước thải. Sewage treatment zone.	Khu Công nghiệp Đô thị Bàu Bàng – Huyện Bến Cát – Tỉnh Bình Dương. Bau Bang Urban Industrial Park – Ben Cat district, Binh Duong province.	Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp. Becamex IDC Corp.
25	Khách sạn Nguyễn Đình Chiểu. Nguyen Dinh Chieu hotel.	90/88 F Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.1, Tp. HCM. 90/88 F Nguyen Dinh Chieu street, DaKao ward, District 1, HCMC	Công ty TNHH Thiết kế trang trí nội thất Siêu Việt. Sieu Viet design interior Co.,Ltd.
26	Trung tâm Hành chính Chính trị Tập trung Tỉnh Bình Dương. Binh Duong province administrative political concentration center.	Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Thu Dau Mot town, Binh Duong province	Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp. Becamex IDC Corp.
27	Khu dân cư xã Phú Tân – Tp. Biên Hoà. The residential area of Phu Tan commune – Bien Hoa city.	Xã Phú Tân, Tp. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Phu Tan commune, Bien Hoa city, Dong Nai province	Công ty TNHH Cường Hưng. Cuong Hung Co., Ltd
28	Khu đô thị Tây Sài Gòn Western Sai Gon urban area	Thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thuận Thảo Nam Sài Gòn Thuan Thao Nam Sai Gon

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
		Tan Tuc town, Binh Chanh district, HCMC.	Co., Ltd.
29	Chung cư 05 tầng tại khu Công nghiệp Tân Bình. 5 floor Apartment building at Tan Binh industrial zone.	Khu Công nghiệp Tân Bình, P. Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh. Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward, Tan Phu district, HCMC.	Công ty CP SXKD XNK Dịch vụ & Đầu tư Tân Bình. TANIMEX Corp.
30	Cải tạo Bãi cảng PTSC phục vụ thiết kế Đường trượt 20,000T thuộc Dự án Biển Đông. PTSC Fabrication yard for Designing 20,000 tons skidway of Bien Dong project.	Cảng hạ lưu PTSC, phường Thống Nhất, Tp. Vũng Tàu. PTSC supply base, Thong Nhat ward, Vung Tau city.	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí hàng hải PTSC PTSC Mechanical & Construction Co., Ltd
31	Trung tâm thương mại Cần Thơ Center. Can Tho Commercial center.	Đại lộ Lê Lợi, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ. Le Loi boulevard, Cai Khe district, can tho city.	Công ty Cổ phần Thăng Long. Thang Long Corp.
32	Cao ốc Sơn Tùng Boutique. Son Tung Boutique high building.	14 Trương Định, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh. 14 Truong Dinh, District 3, HCMC.	Công ty TNHH Xây dựng Đắc Khang. Dac Khang Construction Co.,Ltd.
33	Trụ sở Công ty cổ phần vật tư thiết bị Vũng Tàu. Head office of Vung Tau Tool and Equipment Company.	Đường 3/2, Phường 8, Tp. Vũng Tàu 3/2 street, ward 8, Vung Tau city	Trung tâm nghiên cứu thử nghiệm Bách Khoa. Polytechnic Research and Testing Center.
34	Công trình nhà hàng Bạch Ngân. Bach Ngan Restaurant project.	Ngã tư Lê Duẩn – Ngô Gia Tự. Trung tâm hành chính, tỉnh BRVT. Le Duan – Ngo Gia Tu crossroads, Administrative Center, BRVT province	Công ty TNHH Xây dựng Trường & Phúc. Truong & Phuc Construction Co.,ltd
35	Trạm Xử lý nước thải và Bãi rác trung chuyển khu Bắc KCN Cái Mép – Huyện Tân Thành – Tỉnh BRVT. Waste water treatment station and transit landfill in North Zone – Cai Mep Industrial Zone – Tan Thanh district – BRVT province.	KCN Cái Mép, huyện Tân Thành, tỉnh BRVT Cai Mep. Industrial Park, Tan Thanh district, BRVT province.	Liên hiệp KHSX Địa chất Môi trường Miền Nam. South union of Geology and Environment.
36	Các Trạm thu phát sóng mạng thông tin di động Gtel Mobile, thuộc Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng mạng viễn thông Gtel Mobile. Gtel Mobile Mobile Broadcasting Stations, under the Gtel Mobile Network Infrastructure Project.	Quận 2 – Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh. District 2 – Thu Duc district, HCMC.	Tổng Công ty Viễn Thông Toàn Cầu. Global Telecommunication Corporation.
37	Trung tâm thể thao Mỹ Phước. My Phuoc sport Center.	KCN Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp.

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
		My Phuoc 1 Industrial Park, Ben Cat district, Binh Duong province	Becamex IDC Corp.
38	Cầu và Đường đến Trung tâm Xã Thành Trung – Huyện Bình Tân – Tỉnh Vĩnh Long. Brigde and Road to center of Thanh Trung commune – Binh Tan district – Vinh Long province.	Xã Thành Trung, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Thanh Trung hamlet, Binh Tan district, Vinh Long province.	Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Việt Úc (VUCD JSCo). Viet Uc Design Construction Consultant Corp.
39	Kè chống sạt lở sông Tắc Từ Hải. Embankment of Tac Tu Hai river.	Thị trấn Cái Vồn – Huyện Bình Minh – Tỉnh Vĩnh Long. Cai Von town – Binh Minh district – Vinh long province.	Công ty CP TV thiết kế XD Việt Úc (VUCD JSCo). Viet Uc Design Construction Consultant Corp.
40	Xây dựng đường tỉnh 910. Construction of road 910.	Huyện Bình Minh – Huyện Bình Tân – Tỉnh Vĩnh Long. Binh Minh town – Binh Tan district – Vinh long province.	Liên Hiệp Địa Kỹ Thuật Nền Móng Công Trình. Geotechnical Foundation Engineering United.
41	Đường 991B (đoạn từ QL51 đến hạ lưu Cảng Cái Mép). 991B road (section Highway 51 to Cai Mep downstream port).	Huyện Tân Thành, Tỉnh BR – VT. Tan Thanh district, BRVT province.	Công ty CP Tư vấn ĐTXD Giao thông BR – VT. BR-VT Investment Construction Transport Consultancy JSC.
42	Đầu tư xây dựng CCN Tam Phước 3. Investment in construction Tam Phuoc 3 industrial zone.	Xã Tam Phước – Huyện Long Điền – Tỉnh BR – VT. Tam Phuoc hamlet, Long Dien district, BRVT province.	Công ty CP Tập Đoàn Khang Thông. Khang Thong Group.
43	Dự án đường Ven Sông Tiền. Road along The Tien riverside projects.	TP Cao Lãnh – huyện Thanh Bình- huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp. Cao Lanh city – Thanh Binh district – Tam Nong district, Dong Thap province.	Công ty TNHH Tư vấn XD Hưng Nghiệp. Hung Nghiep Construction Consulting Co.,Ltd
44	Dự án ĐTXD đường nối từ Tp. Cà Mau đi Đầm Dơi. Road from Ca Mau city to Dam Doi district project.	Tỉnh Cà Mau. Ca Mau province.	Công ty TNHH Tư vấn XD Hưng Nghiệp. Hung Nghiep Construction Consulting Co.,Ltd.
45	Nhà hàng khách sạn Á Châu. A Chau restaurant.	91 Châu Văn Liêm, Tp Cần Thơ. 91 Chau Van Liem, Can Tho city.	Công ty CP khách sạn Á Châu Cần Thơ. Asian Can Tho hotel Corp.
46	Bãi thi công Dự án Sư Tử Trắng. Fabrication yard for White lion project.	Cảng hạ lưu PTSC, phường Thống Nhất, Tp. Vũng Tàu. PTSC supply base, Thong Nhat ward, Vung Tau city.	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí hàng hải PTSC PTSC Mechanical & Construction Co., Ltd
47	Tòa nhà biệt thự LEVILLA. LEVILLA Villa.	Đường Bạch Đằng, Quận Tân Bình, Tp. HCM.	Công ty TNHH vàng bạc và đá quý Kim Hoàng

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
		Bach Dang street, Tan Binh district, HCMC.	Phát. Kim Hoang Phat Gold and Precious stone Co., Ltd
48	Nhà văn phòng 79 Nguyen Trai. 79 Nguyen Trai office.	Tại số 79 Nguyễn Trãi, Phường Bến Thành, TP.HCM. 79 Nguyen Trai, Ben Thanh ward, HCMC	Công ty Dịch vụ Du lịch Bến Thành. Ben Thanh Tourist service Company.
49	Nhà hàng 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa. 55 Nam Ky Khoi Nghia restaurant.	Số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM. 55 Nam Ky Khoi Nghia, Nguyen Thai Binh ward, District 1, HCMC	Công ty Dịch vụ Du lịch Bến Thành. Ben Thanh Tourist service Company.
50	Khu xử lý nước thải. Sewage treatment area.	Khu dân cư Bến Lức, Quận 8, TP.HCM. Ben Luc Residential, District 8, HCMC	Công ty TNHH Thiết Kế Tư vấn XD D và C. D & C Design Consulting Co.,ltd.
51	Nhà máy xử lý nước thải của khu thương mại dịch vụ tái định cư Mỹ Phước. Wastewater treatment factory at My Phuoc service commercial resettlement.	Xã Thới Hòa – Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Thoi Hoa Hamlet, Ben Cat district, Binh Duong province.	Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV – Becamex IDC. Becamex IDC Corp.
52	Khu căn hộ cao tầng The AVILA. The AVILA high-rise apartments.	114- An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, TP.HCM. 114 – An Duong Vuong street, Ward 16, District 8, HCMC	Công ty TNHH Thái Bảo. Thai Bao Co., Ltd.
53	Khu nhà hàng tiệc cưới thuộc khu đô thị mới. Wedding restaurant in new city.	Khu Liên Hợp Công Nghiệp – Dịch vụ và đô thị - Thị xã Thủ Dầu Một – Tỉnh Bình Dương. Thu Dau Mot Services Urban Complex – Binh Duong province.	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV – Becamex IDC. Becamex IDC Corp.
54	Dự án GMS- Đường cao tốc Bến Lức – Long Thành. GMS Project- Ben Luc – Long Thanh Expressway.	Tỉnh Long An – Tp. HCM – Tỉnh Đồng Nai. Long An province – HCMC – Dong Nai province.	Liên danh Katahira & Engineers International Co., Ltd (KEI) và Nippon Engineering Consultants Co., Ltd (NE). Joint venture of Katahira & Engineers International Co., Ltd (KEI) and Nippon Engineering Consultants Co., Ltd (NE).

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
55	Trụ sở Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – CN Cam Ranh – Khánh Hoà. SACOMBANK Office – Cam Ranh branch – Khanh Hoa province.	Thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà. Cam Ranh town, Khanh Hoa province	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Sacombank.
56	Trụ sở Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – CN Ninh Hoa –Khánh Hoà. SACOMBANK Office – Ninh Hoa branch – Khanh Hoa province.	Thị xã Ninh Hoa, tỉnh Khánh Hoà. Ninh Hoa town, Khanh Hoa province	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Sacombank.
57	Công trình Cao ốc Văn Phòng. Apartment building project.	132 Đường D2 – Q.Bình Thạnh – TP.HCM. 132 D2 steet – Binh Thanh ward – HCMC.	Công Ty THHH XD An Phú Gia. An Phu Gia Construction Co.,Ltd.
58	Tổ hợp Trung tâm TM – DV và Căn hộ cao cấp. Complex of Commerce – Service Center and high-ranking Apartment.	Số 78 Tôn Thất Thuyết, quận 4, Tp.HCM 78 Ton That Thuyet street, ward 4, HCMC.	Công ty CP Đầu tư Bất động sản SABETRAN. SABETRAN real estate investment JSC.
59	Cao ốc phức hợp Ngân Bình. Ngan Binh complex building.	Số 87 Cống Quỳnh – phường Nguyễn Cư Trinh – Quận 1 – TP.HCM. 87 Cong Quynh street – Nguyen Cu Trinh ward, 1 district, HCMC.	Công ty TNHH Đầu tư – Xây dựng Ngân Bình. Ngan Binh Investment – Construction Co.,ltd
60	Chung cư Sun View 3. Sun View 3 Apartment building.	Đường Tô Ngọc Vân, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. HCM To Ngoc Van street, Tam Binh ward, Thu Duc district, HCMC	Công ty CP Dịch vụ và XD Địa ốc Đất Xanh. Greenland Real estate – Service – Construction JSC.
61	Cống Thủy lợi Thủ Bộ. Thu Bo irrigation Culvert.	Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Can Giuoc district, Long An province.	Viện Thủy lợi & Môi trường – Trường Đại học Thủy lợi. Water resources & Environment Institute – University of Water resources
62	Dự án đường ĐT843 (đoạn nối từ TP. Cao Lãnh đến huyện Tam Nông). DT843 Road Project (section Cao Lanh – Tam Nong)	Tỉnh Đồng Tháp Dong Thap Province	Công ty TNHH Tư vấn XD Hưng Nghiệp. Hung Nghiep Construction Consulting Co.,Ltd
63	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi – Bến Nhất – Gò Quao – Vĩnh Thuận. Ho Chi Minh highway, section Rach Soi – Ben Nhat – Go Quao –Vinh Thuan.	Tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Kiên Giang. Bac Lieu and Kien Giang Provinces.	Công ty TNHH Tư vấn XD Hưng Nghiệp. Hung Nghiep Construction Consulting Co.,ltd

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
64	Thăm dò Mỏ đá Đạ R'sal. <i>Exploration of Đạ R'sal rock Minning.</i>	Xã Đạ R'sal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. <i>Đạ R'sal commune, Đam Rong district, Lam Dong province.</i>	Công ty CP Địa chất Nam Bộ. <i>Nam Bo Geology JSC.</i>
65	Đường Cao Tốc TP.HCM – Long Thành – Dầu Giây. <i>Highway Ho Chi Minh City – Long Thanh – Dau Giay.</i>	Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai. <i>Long Thanh District, Dong Nai Province.</i>	Công ty TNHH Tenox Kyusyu Việt Nam. <i>Tenox Kyusyu Vietnam Co.Ltd.</i>
66	Dự án Sư Tử Trắng. <i>White Lion project.</i>	Tp. Vũng Tàu <i>Vung Tau City</i>	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí hàng hải PTSC <i>PTSC Mechanical & Construction Co., Ltd</i>
67	Xây Dựng Hồ Quang Trung. <i>Quang Trung lake.</i>	Huyện Côn Đảo. Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. <i>Con Dao district. Ba Ria – Vung Tau Province</i>	Viện Đào Tạo Và Khoa Học Ứng Dụng Miền Trung. <i>The Central of Vietnam Institute of Training and Applied Science.</i>
68	Sân Golf Tân Thành. <i>Tan Thanh Golf course.</i>	TP. Thủ Dầu Một Tỉnh Bình Dương. <i>Thu Dau Mot city, Binh Duong Province.</i>	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Tân Thành. <i>Tan Than Investment and Development Joint Stock Company</i>
69	ACB Square.	29 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, TP.HCM. <i>29 Ter Nguyen Dinh Chieu Street, District 1, Ho Chi Minh City.</i>	Ngân Hàng TMCP Á Châu. <i>Asia Commercial Joint Stock Bank</i>
70	Kho xưởng Cụm 1-5 và Cụm 1-6, KCN TB II. <i>Factories block 1-5 and block 1-6, Tan Binh Industrial Park II.</i>	Khu Công Nghiệp Tân Bình. <i>Tan Binh Industrial Park.</i>	Công ty Cổ Phần SXKD XNK Và Dịch Vụ Đầu Tư Tân Bình. <i>TANIMEX.</i>
71	Khu Chung Cư Cao Tầng The Platin. <i>The Platin apartment building.</i>	7A Thoại Ngọc Hầu, P. Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM. <i>7A Thoai Ngoc Hau, Hoa Thanh ward, Tan Phu district, HCMC</i>	Công ty Cổ Phần Địa Ốc 11. <i>Real Estate 11 Joint Stock Company.</i>
72	Nhà máy đóng tàu Đông Nam Á Bến Lức. <i>Ben Luc Southeast Asia shipyard.</i>	Huyện Bến Lức Tỉnh Long An. <i>Ben Luc district, Long An province.</i>	Công ty TNHH Đông Nam Á. <i>South East Asia Limited Company</i>
73	Xây Dựng Phòng Khám Đa Khoa Thành Phố Bạc Liêu. <i>Construction of the Bac Lieu City General Clinic</i>	Khu Dân Cư Đông Cao Văn Lầu, P.5, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. <i>Residential Dong Cao Van Lau, ward 5, Bac Lieu city,</i>	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Bạc Liêu. <i>Bac Lieu City Medical Center.</i>

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
		Bac Lieu Province	
74	Khu Tái Định Cư Dân Cư Nhà Ở Công Nhân, KCN Hữu Thạnh. <i>Residential relocation for workers in Huu Thanh Industrial zone.</i>	Xã Hữu Thạnh, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. <i>Huu Thanh, Duc Hoa District, Long An Province.</i>	Xí Nghiệp Tư Vấn Đầu tư IDICO – LINCO. <i>IDICO – LINCO Investment Consulting Enterprise.</i>
75	Gói thầu CW1B: Cầu Cao Lãnh và 200m đường đầu Cầu. <i>CW1B Package: Cao Lanh Bridge and 200m road at two bridgehead.</i>	Tỉnh Đồng Tháp. <i>Dong Thap Province.</i>	Liên danh Công ty Cầu Đường Trung Quốc và VINACONEX E&C. <i>Codeshare Corporation China Road and Bridge and VINACONEX E&C.</i>
76	Nâng cấp cải tạo bãi lên tải trọng 35T/m ² . <i>Upgrading fabrication yard increase to load capacity of 35T/m².</i>	Tp. Vũng Tàu, Tỉnh BRVT <i>Vung Tau city, BRVT Province</i>	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí hàng hải PTSC <i>PTSC Mechanical & Construction Co., Ltd</i>
77	Tuyến đường Cao tốc Lộ Tẻ- Rạch Sỏi <i>Lo Te- Rach Soi express way</i>	Tp. Cần Thơ và tỉnh Kiên Giang <i>Can Tho city and Kien Giang province</i>	Công ty Tư vấn xây dựng 575 <i>575 consulting construction</i>
78	Tòa nhà văn phòng kết hợp khách sạn 5 sao Tropicana Nha Trang <i>Tropicana Nha Trang Office building combine with five star grade Hotel</i>	40- Trần Phú, Tp Nha Trang <i>40- Tran Phu, Nha Trang city</i>	Công ty TNHH Tropicana Nha Trang <i>Tropicana Nha Trang Co., Ltd</i>
79	FRIENDSHIP TOWER OFFICE	31, Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM <i>31 Le Duan Street, Ben Nghe ward, District 1, HCMC</i>	Công ty TNHH CZ SLOVAKIA Việt Nam <i>CZ SLOVAKIA Co.,LTD</i>
80	Nâng cấp cải tạo bãi phục vụ Dự án Cá Rồng Đỏ và Sao Vàng Đại Nguyệt <i>Upgrading fabrication yard for Ca Rong Do and Sao Vang Dai Nguyet project</i>	65A-30/4, Tp.Vũng Tàu <i>65A-30/4, Vung Tau city</i>	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí hàng hải PTSC <i>PTSC Mechanical & Construction Co., Ltd</i>
81	Khu công nghiệp Long Đức <i>Long Duc industrial park</i>	Long Thành, Tỉnh Đồng Nai <i>Long Thanh, Dong nai province.</i>	Công ty TNHH Something Việt Nam <i>Something Viet Nam Co., Ltd</i>
82	Ngân hàng TMCP Sacombank – PGD Chợ Mới <i>Sacombank- Cho Moi transaction office</i>	Tỉnh An Giang <i>An Giang province City.</i>	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank
83	Ngân hàng TMCP Sacombank – PGD Long Mỹ <i>Sacombank- Long My transaction office</i>	Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang <i>Long My, Hau Giang province</i>	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
84	Nhà VP khối đảm bảo chất lượng – nhà máy Vedan Quality assurance office block - Vedan factory	Xã Phước Thái, Long Thành, Đồng Nai Phuoc Thai, Long Thanh, Dong Nai province.	Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Việt Nam Long Vietnam Long Investment Construction Consulting JSC.
85	Chung Cư The Xanh The Green House	Quận 8, Tp.HCM/ District 8, Ho Chi Minh City	Công Ty CP xây dựng Địa Ốc Xanh Green Real Estate Joint Stock Company
86	Nhà Xưởng cho thuê Daiwa House Daiwa House rental factory	Huyện Long Thành, Đồng Nai Long Thanh Ward, Dong Nai Province	Công ty TNHH SOMETHING Việt Nam SOMETHING Viet Nam Co., LTD
87	Ngân hàng TMCP Sacombank – PGD Đức Linh Sacombank- Transaction Office Đức Linh	Đức Linh, Tỉnh Bình Thuận Duc Linh ward, binh thuan province	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank
88	Dự án khu điều trị kỹ thuật cao tại Bệnh viện Đa Khoa Thái Bình Project of high technology treatment at Thai Binh General Hospital	530 Lý Bôn, Phường Quang Trung, Tp Thái Bình, Tỉnh Thái Bình 530 Ly Bon Street, Quan Trung ward, Thai Binh city, Thai Binh Province	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Chất lượng cao tỉnh Thái Bình Thai Binh High Quality Hospital Co., Ltd
89	Kho xưởng cum 3, cum 4, cụm 8- KCN Tân Bình II Workshop 3, workshop 4, workshop 8 – Tan Binh II industrial park	Đường M1- M12 – M14, KCN TBII- Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Tp. HCM M1 – M12 – M14 Street, Binh Hung Hoa ward, Binh Tan district, HCMC	Công ty CP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ & Đầu tư Tân Bình (TANIMEX) Tan Binh Production & Trading import export & Investment JSC (TANIMEX)
90	Dự án Xây dựng tuyến Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi (Gói thầu: từ Km 02 + 104.11 đến Km 26 + 275) Construction of Lo Te – Rach Soi high speed road (Package: from Km 02 + 104.11 đến Km 26 + 275)	TP cần Thơ Can Tho City	Công ty CP Hafico Tech Hafico Tech JSC
91	Lancaster 230 Nguyễn Trãi, Quận 1 Lancaster 230 Nguyen Trai, District 1	Số 230, Nguyễn Trãi, Quận 1, TP. HCM 230, Nguyen Trai, District 1, HCMC	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Đầu tư Bất Động Sản T.N.T Trung Thủy T.N.T Trung Thuy Real Estate Investment Company Limited
92	Mercury Residences	Số 458, Đường Cách Mạng Tháng 8, Quận Tân Bình, TP. HCM 458, Cach Mang Thang Tam street, Tan Binh district,	Công ty Cổ phần Mercury Residence Mercury Residences Jsc

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
		HCMC	
93	Trụ sở làm việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) – Chi nhánh Châu Văn Liêm Asia Commercial Bank (ACB) Office – Chau Van Liem branch	Số 130-132-134, Đường Châu Văn Liêm, Quận 5, TP. HCM 130-132-134, Chau Van Liem street, district 5, HCMC	Ngân Hàng TMCP Á Châu. Asia Commercial Joint Stock Bank
94	Căn hộ Khách sạn I am Việt Nam Thảo Điền Hotel Apartments I'm Viet Nam Thao Dien	Thửa đất 506 và 1282, Đường Nguyễn Ứ Dĩ, P. Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM 506 and 1282, Nguyen U Di street, Thao Dien Ward, District 2, HCMC.	Công ty CP Lief Thảo Điền Thao Dien Lief JSC
95	Dự án trung tâm thiết kế, phát triển sản phẩm và sản xuất may mặc chất lượng cao của công ty CP đầu tư Mặt Trời Việt Design project, product development and production of high quality apparel of Mat Troi Viet investment JSC	Lô III – 3A, Đường số 1, Nhóm CN III, KCN Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. HCM Lot III – 3A, street No. 1, Industrial Group III, Tan Phu district, HCMC	Công ty CP Đầu tư Mặt Trời Việt Viet Nam Solar investment JSC
96	Nhà ở xã hội – Chung cư Thới Bình Social house – Thoi Binh apartment	Số 49/52 Âu Cơ, Phường 14, Quận 11, Tp. HCM 49/52 Au Co Street, ward 14, district 11, HCMC	Công ty CP Địa ốc 11 Real Estate 11 Joint Stock Company
97	Khu vực DO TANK và khu vực DL thuộc nhà máy P&G DO TANK and DL area of P&G factory	KCN Đồng An- Huyện Thuận An- Tỉnh Bình Dương Dong An industrial park, Thuan An district, Binh Duong province	Công ty TNHH Đầu xây dựng Nam Phát Hưng Nam Phat Hung Construction Co., Ltd
98	Khu VILLA E6 VILLA E6	Quận 2, Tp. HCM District 2, HCMC	Công ty TNHH Hush Creative Hush Creative Co., Ltd
99	Nhà văn phòng phía Nam – Chi nhánh Công ty CP Dược và Vật tư Thú y Southem office – Branch of Pharmaceutical and Veterinary pupplies joint stock company	Số 3, Đường Rạch Sâu, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Tp. HCM No. 3, Rach Sau Street, Thanh Xuan ward, District 12, HCMC	Chi nhánh Công Ty CP Dược và Vật tư Thú y Branch of Veterinary Supplies and Pharmacy JSC
100	Nhà máy rác phát điện Thới Lai- Cần Thơ 7.5MW Thoi Lai- Can Tho waste generation plant 7.5MW	Xã Trường Xuân, Huyện Thới Lai, Tỉnh Cần Thơ Truong Xuan commune, Thoi Lai district, Can Tho province	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Điện Thành Đạt Thanh Dat Electric Design Consultant Company Limited
101	Nhà máy NPK Phú Mỹ (Gói thầu: Khảo sát tuyến ống ACID) NPK Phu My Plant (Package: ACID Pipeline Survey)	Nhà máy NPK Phú Mỹ NPK Phu My factory	Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam (PTSC) PetroVietnam Technical

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
			Services Corporation (PTSC)
102	Trụ sở làm việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) – Chi nhánh Bình Dương Asia Commercial Bank (ACB) Office – Branch Hai Phong	Phường Phú Hoà, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province	Ngân Hàng TMCP Á Châu. Asia Commercial Joint Stock Bank
103	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) – Chi nhánh Hải Phòng Asia Commercial Bank (ACB) Office – Branch Hai Phong	Số 35, Phố Quang Trung, P. Quang Trung, Quận Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng No. 35, Quang Trung Street, Quang Trung Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Ngân Hàng TMCP Á Châu. Asia Commercial Joint Stock Bank
104	Trạm xử lý nước thải công nghiệp, công suất 700m ³ /ngày (Hạng mục: Bể xử lý nước thải + nhà điều hành) Industrial wastewater treatment plant, capacity: 700m ³ /day (Category: Waste water treatment tank + Opeator)	Tp. HCM HCMC	Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Môi trường Việt Úc Viet Nam Environmental Science and technology Company limited
105	Xây dựng đoạn đầu nối đường N1, N2 tại nhà máy NPK Phú Mỹ Construction of the connecting section of road N1, N2 at NPK Phu My factory	Nhà máy Đạm Phú Mỹ, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Phu My Fertilizer Plant, Phu My 1 Industrial Zone, Tan Thanh District, Ba Ria- Vung Tau province	Công ty CP phát triển Đô thị Dầu khí (PVC – Mekong) Petrovietnam Urban Development JSC (PVC- Mekong)
105	Đường Xuân Bắc – Long Khánh Xuan Bac– Long Khanh road	Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai Xuan Loc district, Dong Nai province	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hà Thanh Ha Thanh Construction Consultant Company limited
107	Nhà máy Công ty TNHH Koyo Sangyo Việt Nam Factory Kyoyo Sangyo Vietnam Co., Ltd	Lô B – 3B10 – CN, Đường NE5A, KCN Mỹ Phước 3, H. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương Lot B – 3B10 – CN, NE5A Road, My Phuoc 3 Industrial Park, Ben Cat District, Binh Duong province	Công ty CP Kỹ thuật – Xây dựng và Thương mại C.E.T C.E.T Engineering and construction
108	XD Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng tỉnh Bạc Liêu Establishing the technical Center for Standards, Metrology and Quality in Bac Lieu province	Tỉnh Bạc Liêu Bac Lieu province	Sơ khoa học công nghệ tỉnh Bạc Liêu Department of science and Technology of Bac Lieu province

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
109	Nhà ở tư nhân Personal house	Số 27 đường 12- Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp.HCM No.27 street 12, Tan Thuan ward, District 7, HCMC	Công ty TNHH TV- TK- QH- XD- TM & DV Huy Khương Huy Khuong TV- TK- QH- construction – trading & Service Co., LTD
110	Cải tạo nền xưởng in bao bì Mai Phát Improving the printing workshop of Mai Phat	394/6 Đài Trí, KP2, P.Phú Thuận, Quận 7, Tp. HCM 394/6 Dao Tri, ward 2, Phu Nhuan ward, District 7, HCMC	Công ty TNHH in Bao Bì Mai Phát Mai Phat packaging Co., Ltd
111	Trụ sở cục hải quan Long Bình Tân Long Binh Tan customs office	ICD Tân Cảng Long Bình, Đường Bùi Văn Hòa, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai ICD Tan Binh Long, Bui Van Hoa Street, Bien Hoa city, Dong Nai province	Cục Hải Quan Đồng Nai Customs Department of Dong Nai
112	Kho cum Xưởng cụm 1 – 1, 1 – 2, 1 – 3, và 1 – 4, KCN Tân Bình 2 Workshops 1 – 1, 1 – 2, 1 – 3 and 1 – 4 Tan Binh 2 Industrial Park	KCN Tân Bình 2, P. Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Tp. HCM Tan Binh 2 Industrial Park, Binh Hung Hoa ward, Binh Tan district, HCMC	Công ty CP Sản Xuất Kinh Doanh XNK DV & ĐT Tân Bình (Tanimex) Tan Binh service & Trading Import – Export JSC (Tanimex)
113	Nghĩa Trang Sinh Thái Bắc Phan Thiết North Phan Thiet ecological Cemetery	Thị trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận Phu Long town, Thuan Bac district, Binh Thuan province	Công ty TNHH phát triển Dự án Song Nam Song Nam Project Development Co., Ltd
114	Xây dựng Nhà máy Paramount Bed Việt Nam Construct Paramount Bed Vietnam Factory	KCN Long Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai Long Duc Industrial park, Long Duc commune, Long Thanh district, Dong Nai province	Công ty TNHH Xây dựng Nishimatsu Nishimatsu construction Co., Ltd
115	Kè gia cố bờ sông tại nhà máy Dầu Nhỏ, Vilube Waterfront embankment at small oil mill, Vilube	190 Nguyễn Văn Tạo, Ấp 1, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Tp. HCM 190 Nguyen Van Tao street, Hamlet 1, Long Thoi commune, Nha Be district, HCMC	Công ty CP Dầu nhờn Hóa chất Việt Nam Vietnam Oil and Lubricants Joint Stock Company
116	Khu nhà ở đường Nguyễn Văn Bứa House zone in Nguyen Van Bua street	Đường Nguyễn Văn Bứa, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, Tp. HCM Nguyen Van Bua street, Xuan Thoi Thuong commenu, Hoc Mon district,	Công ty TNHH Địa ốc Đất Lành Dat Lanh land Co., Ltd

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
		HCMC	
117	Trụ sở làm việc ngân hàng Á Châu (ACB) – CN Bắc Ninh <i>Asian Bank head office (ACB) – Bac Ninh Branch</i>	Số 201 – 203 – 205 Trần Phú, Phường Đông Ngàn, Tx Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh <i>201 – 203 – 205 Tran Phu street, Dong Ngan ward, Tu Son district, Bac Ninh province</i>	Ngân Hàng TMCP Á Châu. <i>Asia Commercial Joint Stock Bank</i>
118	Trụ sở làm việc ngân hàng Á Châu (ACB) – CN Hải Dương <i>Asian Bank head office (ACB) – Hai Duong Branch</i>	Số 165 Bạch Đằng, Phường Trần phú, Tp Hải Dương, Tỉnh Hải Dương <i>No. 165 Bach Dang street, Tran Phu ward, Hai Duong city, Hai Duong province</i>	Ngân Hàng TMCP Á Châu. <i>Asia commercial joint stock bank</i>
119	Trụ sở làm việc ngân hàng Á Châu (ACB) – Chi nhánh Bình Phước <i>Asian Bank head office (ACB) – Binh Phuoc branch</i>	800 Phú Riêng Đỏ, TX. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước <i>800 Phu Rieng Do street, Dong Xoai Town, Binh Phuoc province</i>	Ngân Hàng TMCP Á Châu. <i>Asia Commercial Joint Stock Bank</i>
120	Mở rộng và nâng cấp nhà máy dầu nhờn Vilube <i>Expanding and upgrading Vilube Inbricant plant</i>	190 Nguyễn Văn Tạo, Ấp 1, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Tp. HCM <i>190 Nguyen Van Tào street, Hamlet 1, Long Thoi commune, Nha Be district, HCMC</i>	Công ty CP Dầu nhờn Hóa chất Việt Nam <i>Vietnam Oil and Lubricants joint stock company</i>
121	Touton Warehouse	KCN Sonadezi Long Thanh, tỉnh Đồng Nai <i>Sonadezi Long Thanh IP, Dong Nai province</i>	Công ty TNHH Touton Vietnam <i>Touton Vietnam Co., Ltd</i>
122	Dự án nhà máy khí Thái Bình – Hàm Rồng <i>Thai Binh – Ham Rong Gas plant project</i>	Thị trấn Tiền Hải, tỉnh Thái Bình <i>Tien Hai town, Thai Binh province</i>	Công ty CP Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải – PTSC <i>PTSC Mechanical & Construction Co., Ltd</i>
123	Trụ sở công ty CP thương mại sản xuất thức ăn chăn nuôi Vạn Sanh <i>Van Sanh food Production Trading Joint Stock Company</i>	616 QL 1A, P.Bình Hưng Hòa, Q. Bình Tân, TP.HCM <i>616 National Road 1A, Binh Hung Hoa ward, Binh Tan district, HCMC</i>	Công ty CP thương mại SX thức ăn chăn nuôi Vạn Sanh <i>Van Sanh feed Production Trading Joint Stock Company</i>
124	Dự án kết nối khu vực trung tâm Đồng bằng Mekong-Tuyến nối giữa cầu Cao Lãnh và cầu Vàm Cống – Gói thầu CW2A <i>Central Mekong Delta Region Connectivity Project (CMDRCP) - Interconnecting road between Cao Lanh bridge and Vam Cong bridge -</i>	Tỉnh Đồng Tháp. <i>Dong Thap Province.</i>	Liên danh Công ty Cầu Đường Trung Quốc và VINACONEX E&C. <i>Joint venture of China Road and Bridge Corporation and VINACONEX E&C.</i>

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
	Package CW2A		
125	Cao ốc RES11 RES 11 high building	Lạc Long Quân, Quận 11, TP.HCM Lac Long Quan Street, district 11, HCMC	Công ty CP Địa ốc 11 Real Estate Joint Stock Company 11
126	Electrical Room – P&G Plant	Huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương Thuan An district, Binh Duong province	Công ty TNHH Xây Dựng Nam Phát Hưng Nam Phat Hung Construction Co., Ltd
127	Nâng cấp và cải tạo bãi 6.3 ha Upgrading and improving 6.3 ha yard	Cảng hạ lưu PTSC, Tp. Vũng Tàu PTSC supply base, Vung Tau city	Công ty TM DV Cơ Khí Hàng Hải PTSC Mechanical & Construction Co., Ltd
128	Xây dựng hồ Cà Giây. Construction of Ca Giay Lake.	Xã Bình An, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Binh An commune, Bac Binh district, Binh Thuan province	Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng miền Trung. The central of Vietnam institute of training and applied science.
129	Trụ Sở Làm Việc Ngân hàng Á Châu (ACB) – PGD Quán Bàu Commercial Bank (ACB) Office– Quan Bau transaction office	Lô 18-19 Lê Nin, phường Hà Huy Tập, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An Lot 18-19 Lenin, Ha Huy Tap ward, Vinh city, Nghe An province	Ngân Hàng TMCP Á Châu. Asia commercial joint stock bank
130	Chung cư The Xanh The Xanh apartment building	Phường 6, quận 8, Tp.HCM Ward 6, District 8, HCMC	Công ty CP Xây dựng Địa ốc Đất Xanh Dat Xanh Real Estate Construction JSC
131	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Quận 7 Sai Gon Thuong Tin commercial joint stock bank - District 7 branch	Số 22 đường Nguyễn Thị Thập, P.Bình Thuận, quận 7, Tp.HCM No.22, Nguyen Thi Thap street, District 7, HCMC	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sai Gon Thuong Tin commercial joint stock bank
132	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Chợ Mới Sai Gon Thuong Tin commercial joint stock bank - Cho Moi branch	Huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang Cho Moi District, An Giang Province	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank
133	Dự án Pamko Vina Pamko Vina Project	Khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương My Phuoc Industrial Park, Ben Cat district, Binh Duong province	Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Sung Hwa Sung Hwa engineering & construction Co., Ltd
134	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín PGD Long Mỹ- CN Hậu Giang Sai Gon Thuong Tin commercial joint stock bank - Hau Giang branch	Thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang Long My town, Long My district, Hau Giang province	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank
135	Khu cư xá cho chuyên gia nước ngoài	Nhà máy Vedan tại xã	Công ty CP Tư vấn Đầu tư

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
	Housing project for professional foreigners	Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai Vedan factory in Phuoc Thai commune, Long Thanh ward	Xây dựng Việt Nam Long Viet Nam Long Construction Investment Consultant Joint Stock Company
136	Trụ sở làm việc Ngân hàng Á Châu (ACB) Asia commercial joint stock bank office	Số 743/1A-745-747 đường Hồng Bàng, P.6, quận 6, Tp.HCM No. 743/1A-745-747, Hong Bang street, ward 6, district 6, HCMC	Ngân hàng TMCP Á Châu Asian Commercial Bank
137	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín PGD Châu Thành- CN Tiền Giang Sai Gon Thuong Tin commercial joint stock bank - Tien Giang branch	Ấp Tân Phong, tỉnh Tiền Giang, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang Tan Phong hamlet, Tien Giang province, Tan Ly Tay commune, Tien Giang province	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sai Gon Thuong Tin commercial joint stock bank
138	Khu đô thị Trường Thọ Truong Tho urban area	Km số 7-8, Xa Lộ Đại Hàn, P. Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp.HCM Km No. 7-8, Dai Han highway, Truong Tho ward, Thu Duc district, HCMC	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Truong Tho real estate investment development Co., Ltd
139	Trụ sở làm việc Ngân hàng Á Châu (ACB) - PGD Tân Sơn Nhì Asia commercial bank office - Tan Son Nhi branch	Số 360 đường Tân Sơn Nhì, P. Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Tp.HCM No. 360, Tan Son Nhi street, Tan Son Nhi ward, Tan Phu district, HCMC	Ngân hàng TMCP Á Châu Asian Commercial Bank
140	Cao ốc Thương mại - Dịch vụ và căn hộ Sunshine Tower Sunshine Tower commercial- service building and apartment	Phường An Lạc, quận Bình Tân, Tp.HCM An Lac ward, Binh Tan district, HCMC	Công ty CP Đầu tư, Dịch vụ và Thương mại Hòa Anh Phát Hoa Anh Phat Investment, Trading And Service Joint Stock Company
141	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín PGD Tân Quy- Chi nhánh Củ Chi Sacombank Tan Quy transaction office – Cu Chi branch	Ấp 1, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, Tp.HCM Hamlet 1, Tan Thanh Tay commune, Cu Chi district, HCMC	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank
142	Chung cư Tây Hồ- Bình Dương Binh Duong- Tay Ho apartment building	Phường Chánh Nghĩa, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương Chanh Nghia ward, Thu Dau Mot city, Binh Duong province	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tây Hồ Tay Ho Investment and Construction JSC

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
143	Tổ hợp du lịch Dic Star Vũng Tàu Vung Tau Dic Star tourist complex	Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Vung Tau city, Ba Ria - Vung Tau province	Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Giao thông Tỉnh BR-VT Ba Ria - Vung Tau transportation construction investment consultancy JSC
144	Nhà máy điện gió Thanh Phong Thanh Phong wind farm	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Phú Thanh Hai commune, Thanh Phu district	Công ty TNHH Something Việt Nam Something Viet Nam Co.,LTD
145	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín PGD Hòa Bình- Chi nhánh Bạc Liêu Sacombank Hoa Binh transaction office – Bac Lieu branch	Thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu Hoa Binh town, Hoa Binh ward, Bac Lieu province	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sai Gon Thuong Tin commercial joint stock bank
146	Trụ sở làm việc Ngân hàng Á Châu (ACB) - PGD Gò Vấp Asia commercial bank office - Go vap transaction office	Số 628 đường Quang Trung, quận Gò Vấp, Tp.HCM No. 628, Quang Trung street, Go Vap district, HCMC	Ngân hàng TMCP Á Châu Asian commercial bank
147	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín PGD Thủ Thừa- Chi nhánh Long An Sacombank Thu Thua transaction office- Long An branch	Thửa đất số 114, tờ Bản đồ số 8, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An Land lot No. 114, map 8, Thu Thua town, Thu Thua district, Long An province	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank
148	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- PGD Đức Trọng- CN Lâm Đồng Sacombank transaction office - Lam Dong branch	715 Quốc Lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng 715, highway 20, Lien Nghia town, Duc Trong district, Lam Dong province	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank
149	Kho lưu trữ chứng từ Document storage	Lô 19, khu Công viên Phần Mềm Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, quận 12, Tp.HCM Block 19, Quang Trung software city, Tan Chanh Hiep ward, District 12, HCMC	Ngân hàng TMCP Á Châu Asian Commercial Bank
150	Khu dân cư phường Phú Mỹ, quận 7 Phu My, District 7 residential zone	Phường Phú Mỹ, quận 7, Tp.HCM Phu My ward, District 7, HCMC	Công ty CP Đầu tư - Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn Saigon real estate investment construction

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
			corporation
151	Trụ sở làm việc Ngân hàng Á Châu (ACB) - PGD Gia Lai <i>Sacombank- Gia Lai transaction office</i>	Số 16 đường Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai <i>No.16, Pham Van Dong street, Hoa Lu ward, Pleiku city, Gia Lai province</i>	Ngân hàng TMCP Á Châu <i>Asian Commercial Bank</i>
152	Trụ sở làm việc Ngân hàng Á Châu- PGD Cai Lậy <i>ACB bank- Cai Lay transaction office</i>	Khu 5, thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang <i>Zone 5, Cai Lay town, Cai Lay district, Tien Giang province</i>	Ngân hàng TMCP Á Châu <i>Asian Commercial Bank</i>
153	Và nhiều công trình lớn nhỏ khác... <i>And many other projects...</i>	Vietnam	
II	Thí nghiệm và kiểm định xây dựng Construction testing and verifying		
1	Thí nghiệm vật liệu công trình: Cải tạo môi trường nước TP. HCM. <i>Material testing for Ho Chi Minh City Water Environment Improvement.</i>	Quận 4 & Quận 8, TP. HCM. <i>District 4 & 8, HCMC.</i>	Công ty TOA Corporation. <i>TOA Corporation Company.</i>
2	Thí nghiệm thử tải bằng tải trọng tĩnh Công trình: Bãi thi công Dự án Sứ Tử Nâu của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải (PTSC M&C) <i>PTSC M&C Construction yard for Su Tu Nau Project – Static load pile axial force.</i>	Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu. <i>No. 65A, Street 30/4, Thang Nhat Ward, Vung Tau City.</i>	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải (PTSC M&C). <i>PTSC Mechanical & Construction Ltd. Co.</i>
3	Thí nghiệm thử tải bằng tải trọng tĩnh Công trình: Đường đi nhà chế tạo Deck phục vụ Dự án Dừa của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải (PTSC M&C). <i>PTSC M&C Construction yard for Dua Project – Static load pile axial force.</i>	Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu. <i>No. 65A, Street 30/4, Thang Nhat Ward, Vung Tau City.</i>	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải (PTSC M&C). <i>PTSC Mechanical & Construction Ltd. Co.</i>
4	Thí nghiệm thử tải bằng tải trọng tĩnh Công trình: Dự án Sứ Tử Đen của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải (PTSC M&C). <i>PTSC M&C Construction yard for Su tu Den Project – Static load pile axial force.</i>	Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu. <i>No. 65A, Street 30/4, Thang Nhat Ward, Vung Tau City.</i>	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải (PTSC M&C). <i>PTSC Mechanical & Construction Ltd. Co</i>
5	Khoan cọc xi măng – đất Công trình đường liên Cảng Cái Mép – Thị Vải. <i>Drilling and sampling of soil – cement column at Cai Mep – Thi Vai avenue.</i>	KCN Cái Mép, huyện Tân Thành, tỉnh BRVT <i>Cai Mep. Industrial Park, Tan Thanh district, BRVT province.</i>	Công ty CP Tư vấn ĐTXD Giao thông BR – VT. <i>BR-VT Investment Construction Transport Consultancy JSC</i>
6	Khoan, thí nghiệm mẫu cọc xi măng	KCN Cái Mép, huyện Tân	Công ty CP Tư vấn ĐTXD

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
	đất tại Công trình Cảng quốc tế Cái Mép – Thị vải. <i>Drilling and sampling of soil – cement column at Cai Mep – Thi Vai international Port.</i>	Thành, tỉnh BRVT <i>Cai Mep.</i> <i>Industrial Park, Tan Thanh district, BRVT province.</i>	Giao thông BR – VT. <i>BR-VT Investment Construction Transport Consultancy JSC</i>
7	Khoan, thí nghiệm mẫu cọc xi măng đất tại Công trình Đường cao tốc Long Thành – Dầu Giây (Gói thầu số 3) <i>Drilling and sampling of soil – cement column at Long Thanh – Dau Giay expressway (Package 3)</i>	Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai <i>Long Thanh district, Dong Nai province.</i>	Công ty TNHH Tenok Kyusu Việt Nam (Nhật Bản). <i>Tenok Kyusu Vietnam Co.,ltd (Japan)</i>
8	Kho chứa hàng CFS tại Tân Cảng <i>CFS warehouse in Tan Cang</i>	Phường Cát Lái, quận 2, TP.HCM <i>Cat Lai ward, district 2, HCMC</i>	Công ty CP Tư vấn xây dựng Địa Thông <i>Dia Thong Construction consultant JSC</i>
9	Thí nghiệm vật liệu xây dựng tại Công trình Đường cao tốc Long Thành– Dầu Giây (Gói thầu số 3) <i>Drilling and sampling of soil – cement column at Long Thanh – Dau Giay expressway (Package 3)</i>	Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai <i>Long Thanh district, Dong Nai province.</i>	Công ty TNHH Tenok Kyusu Việt Nam (Nhật Bản). <i>Tenok Kyusu Vietnam Co.,ltd (Japan)</i>
10	Thí nghiệm nén tĩnh cọc công trình Cao ốc Văn phòng Nhạc Viện <i>Pile load test in opera office building</i>	59 Xa Lộ Hà Nội, phường Thảo Điền, quận 2, Tp.HCM <i>59 Xa Lo Ha Noi street, Thao Dien ward, district 2, HCMC</i>	Công ty CP Tư vấn xây dựng Địa Thông <i>Dia Thong Construction consultant JSC</i>
11	Thí nghiệm nén tĩnh cọc Tòa nhà Viettel Bạc Liêu <i>Load test in Viettel Bac Lieu Building</i>	Phường 7, Tp Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu <i>Ward 7, Bac Lieu city, Bac Lieu province</i>	Công ty CP Tư vấn xây dựng Địa Thông <i>Dia Thong Construction consultant JSC</i>
12	Siêu âm cọc khoan nhồi tại Dự án đường Cao tốc Bắc - Nam Việt Nam gói thầu 1A. <i>North – South Vietnam Expressway project – Package 1A</i>	Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh. <i>Ward 9, HCMC</i>	Công ty TNHH Địa Kỹ Thuật Fugro Việt Nam <i>Fugro VietNam Geotechnical Co., Ltd</i>
13	Khoan để tính khối lượng san lấp. <i>Geological dilling for determining quantity of filling soil.</i>	Thửa đất số 3, 4 tờ bản đồ thứ 03 – Xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp. HCM. <i>Land area 3, 4 of Map 3 – Tan Phu Trung hamlet, Cu Chi district, HCMC.</i>	Công ty TNHH Thẩm Định Giá EXIM. <i>EXIM Appraisal Co.,ltd.</i>
14	Thử nghiệm PDA Cọc khoan nhồi – Công trình Trung tâm thương mại điện tử. <i>PDA testing for bored pile - Electronic commerce center projects.</i>	87-89 Phạm Đình Hổ, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh. <i>No 87-89 Pham Dinh Ho street, ward 6, HCMC.</i>	Công ty CP Thiết kế Xây dựng Hưng Thịnh. <i>Hung Thinh Construction consulting JSC.</i>
15	Thí nghiệm kiểm tra vật liệu xây dựng	Phường Long Thủy, xã	Công ty CP Tư vấn xây

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
	công trình, Khoa kinh tế dây 2 <i>Testing for Material construction – Line 2 - Economic Department</i>	Phước Long, Tỉnh Bình Phước <i>Long Thuy ward, Phuoc Long commune, Binh Phuoc province</i>	dựng Địa Thông <i>Dia Thong Construction consultant JSC</i>
16	Thí nghiệm nén tĩnh cọc thuộc dự án Tòa nhà Viettel Bình Dương <i>Load testing for Viettel Binh Duong building project</i>	Phường Chánh Nghĩa, Tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương <i>Chanh Nghia ward, Thu Dau Mot city, Binh Duong province</i>	Công ty CP Tư vấn xây dựng Địa Thông <i>Dia Thong Construction consultant JSC</i>
17	Siêu âm cọc khoan nhồi – Công trình Tòa nhà Thương mại 73 Phan Đình Phùng. <i>Ultrasound testing for bored pile – 73 Phan Dinh Phung Comercial building project.</i>	Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh. <i>Phu Nhuan district, HCMC</i>	Công ty CP Thiết kế Xây dựng Hưng Thịnh. <i>Hung Thinh Construction consulting JSC.</i>
18	Thí nghiệm kiểm tra vật liệu xây dựng công trình <i>Testing for material construction</i>	61 Trần Quang Khải, P. Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước <i>61 Tran Quang Khai Street, Long Thuy ward, Phuoc Long town, Binh Phuoc province</i>	Công ty CP Tư vấn xây dựng Địa Thông <i>Dia Thong Construction consultant JSC</i>
19	Thí nghiệm kiểm tra vật liệu xây dựng công trình, Khối Đoàn thể dây 1 <i>Testing for Material construction – Line 1 - Union Department</i>	Phường Long Thủy, xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước <i>Long Thuy ward, Phuoc Long commune, Binh Phuoc province</i>	Công ty CP Tư vấn xây dựng Địa Thông <i>Dia Thong Construction consultant JSC</i>
20	Siêu âm cọc khoan nhồi và thí nghiệm sức chịu tải của cọc bằng phương pháp biến dạng lớn PDA – Công trình: Cao ốc Văn phòng kết hợp Chung cư. <i>Ultrasound testing and PDA testing for bored pile – Project: Office Building and Apartment Building combination.</i>	Lô 337 Thống Nhất, Phường 8, Tp. Vũng Tàu. <i>Block 337 Thong Nhat, ward 8, Vung Tau city</i>	Công ty TNHH Khang Linh <i>Khang Linh Co.,ltd</i>
21	Thí nghiệm Siêu âm (SONIC) và PIT cho cọc khoan nhồi – Dự án: Trụ sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy Tp. Hồ Chí Minh. <i>Ultrasound testing and PIT testing for Project: Headquarters of HCMC Fire Prevention and Fighting Police.</i>	258 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh <i>No 258 Tran Hung Dao street, ward 1, HCMC.</i>	Công ty CP Thiết kế Xây dựng Hưng Thịnh. <i>Hung Thinh Construction consulting JSC.</i>
22	Thí nghiệm vật liệu - Công trình: Ban quản lý Đầu tư phát triển Đảo Phú Quốc. <i>Construction material testing for</i>	Huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. <i>Phu Quoc district, Kien Giang province</i>	Công ty CP Đầu tư, phát triển hạ tầng Phú Quốc. <i>Phu Quoc infrastructure investment and</i>

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
	Project: PMU of Investment and development of Phu Quoc island.		development Corporation.
23	Thí nghiệm PDA cọc khoan nhồi – Công trình Cao ốc Văn Phòng 132 – 134 Đường D2. PDA testing for bored pile – Project: Office building 132 – 134 D2 street	Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh Binh Thanh district, HCMC	Công ty TNHH An Phú Gia. An Phu Gia Co.,Ltd
24	Thí nghiệm siêu âm cọc khoan nhồi – Công trình: Khách sạn 202 – 204 Lý Tự Trọng. Ultrasound testing for bored pile – Project: Hotel 202 – 204 Ly Tu Trong.	Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Ward 1, HCMC	Công ty CP Thiết kế Xây dựng Hưng Thịnh. Hung Thinh Construction consulting JSC.
25	Đầu tư nâng cấp Đường Nguyễn Trung Trực – Đường Hùng Vương và Đường 30/4. Investment for improvement of Nguyen Trung Truc – Hung Vuong and 30/4 street.	Huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Phu Quoc district, Kien Giang province.	Công ty TNHH Duy Huân Duy Huan Co., Ltd
26	Dự án: Nâng cấp cải tạo QL55 nối dài – Hạng mục: Cầu Cát 2 Project: Upgrade and improvement for extension of highway No.55 - Item: Cat 2 Bridge.	Huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận. Tan Linh district, Binh Thuan province.	Công ty TNHH TM – XD Tấn Thành. Tan Thanh Commercial – Construction Co.,Ltd.
27	Khoan, lắp đặt và quan trắc mực nước ngầm và đo áp lực nước lỗ rỗng Drilling, setting and observing underground water level and pore pressure of soil	Quốc lộ 91B, đoạn km2 + 000 - km15 + 793.37. 91B highway, section km2 + 000 - km15 + 793.37.	Phân viện KHCN GTVT Phía Nam. Sub-institute of transport science & technology in the Southern Vietnam
28	Thí nghiệm Swedish Sounding Test cho nhà máy P&G Việt Nam Swedish Sounding Test at P&G Vietnam plant	KCN Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Dong An industrial zone, Thuan An district, Binh Duong province	Công ty CP TVXD Nam Phát Hưng. Nam Phat Hung Construction consulting JSC.
29	Thí nghiệm sức chịu tải cọc khoan hạ bê tông ứng suất trước D800 và D500 bằng phương pháp thử động biến dạng lớn Test of load bearing capacity of prestressed concrete piles D800 and D500 by PDA test	Phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu Thang Nhat ward, Vung Tau city	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí hàng hải PTSC PTSC Mechanical & Construction Co., Ltd
30	Thí nghiệm xác định modun đàn hồi và đường cong nén lún của nền bãi Test for determination of elastic modulus and compression curve on existing yard.	Phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu Thang Nhat ward, Vung Tau city	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí hàng hải PTSC PTSC Mechanical & Construction Co., Ltd
31	Thí nghiệm quan trắc cho Dự án: Nâng cấp nền bãi Cảng hạ lưu PTSC	Phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	Công ty TNHH Something Việt Nam

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
	đặt tải trọng 35T/m ² phục vụ các Dự án <i>Observation tests for Project: Upgrading of PTSC downstream Port reach to 35T/m2 to serve the projects</i>	Thang Nhat ward, Vung Tau city	Something Viet Nam Co.,LTD
32	Kiểm tra sức chịu tải nền bãi – nhà máy NPK Phú Mỹ <i>Testing of loading capacity of the yard – NPK Phu My factory</i>	Phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu Thang Nhat ward, Vung Tau city	Tổng công ty CP DV Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) <i>Petroleum technical Services corporation (PTSC)</i>
33	Văn phòng làm việc Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Thuận (thí nghiệm bằng phương pháp biến dạng nhỏ - PIT) <i>Office of Asia commercial Joint Stock Bank – Binh Thuan Branch (pile load capacity testing by PIT method)</i>	152 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Thủy, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận <i>152 Tran Hung Dao street, Phu Thuy ward, Phan Thiet City, Binh Thuan province</i>	Công ty TNHH Something Việt Nam <i>Something Viet Nam Co., Ltd</i>
34	Thí nghiệm PDA, siêu âm và khoan kiểm tra mùn mũi cọc- Cầu Suối Giữa (Km1513+374) <i>PDA test method, ultrasonic and drilling for checking humus at pile top- Suoi Giua Bridge (Km1513+374)</i>	Quốc lộ 1A, đoạn Km 1488- Km 1535 Tỉnh Khánh Hòa <i>National Highway 1A, Km 1488- Km 1535, Khanh Hoa Province</i>	Công Ty TNHH KT Nền Móng & Xd Hồng Đức <i>Hong Duc Engineering Foundations and Construction Co., Ltd.</i>
35	Đầu tư xây dựng Công trình mở rộng QL 1A đoạn Km01392- Km 1405 và Km 1425 –Km 1445 (Thí nghiệm PDA, Siêu âm và khoan kiểm tra mùn mũi cọc) <i>Investment and construction of the expansion of Highway 1A section Km01392- Km 1405 and Km 1425- Km 1445 (PDA test method, ultrasonic and drilling for checking humus at pile top)</i>	Tỉnh Khánh Hòa Khanh Hoa Province	Công Ty CP XD Sài Gòn Highland <i>Saigon Highland Construction Joint Stock Company</i>
36	Chung cư cao tầng – Gói thầu: Lắp đặt thiết bị và quan trắc <i>High- rise apartment- Package: Installation of equipment & observation</i>	Quận Tân Phú , TP.HCM Tan Phu District, HCMC	Công ty CP Địa Ốc 11 <i>Real Estate Joint Stock Company 11</i>
37	Cao Ốc Văn Phòng – C.T Plaza Võ Văn Kiệt- Gói thầu: lắp đặt và quan trắc chuyển vị ngang tường vây <i>Office Building – C.T Plaza Vo Van kiet- Package: Installation of equipment & monitoring</i>	Nguyễn Thái Bình , Quận 1 , TP.HCM <i>Nguyen Thai Binh, District 1, HCMC</i>	Công ty TNHH Something Việt Nam <i>Something Viet Nam Co.,LTD</i>
38	Cao Ốc Princess Nam Phương- Gói Thầu: Lắp Đặt và quan trắc chuyển vị ngang tường vây	Quận 3 , TP.HCM District 3, HCMC	Công ty TNHH Something Việt Nam <i>Something Viet Nam</i>

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
	Princess Nam Phuong Barge- Package: Installation of equipment & monitoring		Co.,LTD
39	Tòa nhà Thương Mại- Dịch Vụ- Căn hộ cao tầng- Gói thầu: Lắp đặt thiết bị và quan trắc Building- Trade- Service- Apartment- Package: Installation of equipment & monitoring	Lê Lợi, Q Gò Vấp, TP.HCM Le Loi Street, Go Vap District, HCMC	Công ty CP Tư Vấn và Dịch Vụ XD Đông Nam Southeastern Consultancy and Services JSC
40	Cao ốc ORIENTAL PLAZA- Gói Thầu: Lắp đặt thiết bị và quan trắc ORIENTAL PLAZA BUILDING- Package: Installation of equipment & monitoring	TP.HCM HCMC	Công ty CP Quốc Thái Quoc Thai An Joint Stock company
41	Cao ốc văn phòng- Gói Thầu: Lắp đặt thiết bị và quan trắc Office Building- Package: Installation of equipment & monitoring	Nguyễn Thị Minh Khai, Tp. Hồ Chí Minh Nguyen Thi Minh Khai, HCMC	Công ty CP Quốc Thái Quoc Thai An Joint Stock company
42	Và nhiều công trình lớn nhỏ khác... And many other projects...	Vietnam	
III	Thi công Xây dựng Construction		
1	The Park Residence	Phân khu 12, Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. HCM Division 12, Nguyen Huu Tho, Phuoc Kieng Commune, Nha Be Distrist, HCMC	Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại – Sản xuất – Xây dựng Đông Mê kong Dong Mekong Services - Trade - Production- Construction Co., Ltd
2	Trường mầm non huyện Bình Chánh Kindergarten Binh Chanh District	Xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, TP. HCM Tan Quy Tay Comune, Binh Chanh District, HCMC	Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại – Sản xuất – Xây dựng Đông Mê kong Dong Mekong Services - Trade - Production- Construction Co., Ltd
3	Trường cao đẳng y tế tỉnh Bình Dương Binh Duong medical college	Đường Lê Hồng Phong, P. Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương Le Hong Phong street, Phu Hoa ward, Thu Dau Mot town, Binh Duong province	Trường cao đẳng y tế tỉnh Bình Dương Binh Duong Medical College
4	Xây dựng văn phòng làm việc kết hợp showroom Office building combined with showroom	228/6 Lê Lợi, phường 4, TP. Vũng Tàu, tỉnh BR-VT 228/6 Le Loi Street, Ward 4, Vung Tau city, BR-VT province	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Tân Phong Tan Phong construction consultant JSC

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
5	Tòa nhà văn phòng Office building	649/127 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. HCM 649/127 Dien Bien Phu, 15 ward, Binh Thanh District, HCMC	Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Đông Nguyên Dong Nguyen Construction design Co., Ltd
6	Nhà máy NPK Phú Mỹ- Gói Thầu: Mua sắm, thi công, bàn giao phần xây dựng cho tuyến ống ACID từ cảng Bà Rịa Vũng Tàu CERECÉ đến công trình dự án NPK Phú Mỹ NPK Phu My plant- Package : Procurement, construction, handover of civil works of ACID pipeline from Ba Ria CERECÉ port to NPK Phu My project	KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh BR-VT Phu My 1 Industrial Park, Tan Thanh District, Bà Rịa- Vung Tau province	Tổng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam (PTSC) PetroVietnam Technical Services Corporation (PTSC)
7	Xây dựng nền, mặt đường tuyến dự án đường giao thông liên xã Build background, road surface of inter-communal road project	Xã Nghĩa Bình, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An Nghia Binh ward, Nghia Dan district, Nghe An province	Công ty CP đầu tư và xây dựng Hòa Bình Hoa Binh Investment construction JSC
8	Thi công xây dựng công trình dự án cầu Khe Dền Construction of Khe Den bridge project	Xã Nghĩa Đàn, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An Nghia Dan ward, Nghia Dan district, Nghe An province	Công ty CP đầu tư và xây dựng Hòa Bình Hoa Binh Investment construction JSC
9	Nhà máy NPK Phú Mỹ- Gói thầu: Mua sắm, thi công, bàn giao một số hạng mục hạ tầng thuộc nhà máy NPK Phú Mỹ NPK Phú Mỹ Factory- Package: Procurement, construction, Handing over some infrastructure items of NPK Phu My Plant	KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh BR-VT Phu My 1 Industrial Park, Tan Thanh District, Bà Rịa- Vung Tau province	Tổng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam (PTSC) PetroVietnam Technical Services Corporation (PTSC)
10	Dự án khu dân cư ấp 5 Hamlet 5 residential zone project	Khu dân cư ấp 5, xã Vĩnh Tân, VSIP IIA, tỉnh Bình Dương Hamlet 5, Vinh Tan commune, VSIP IIA, Binh Duong province	Công ty TNHH Something Việt Nam Something Viet Nam Co.,LTD
11	Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình Dự án mở rộng QL32 Construction and installation of construction equipment, extending national highway 32 project	Xã Nghĩa Đàn, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An Nghia Dan ward, Nghia Dan district, Nghe An province	Công ty CP đầu tư Hùng Thắng Hung Thang Investment JSC
12	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp công trình QL10 Investment Construction, renovation upgrading of national highway 10	Các Huyện An Dương – An Lão – Vĩnh Bảo, Hải Phòng An Duong – An Lao – Vinh Bao district, Hai Phong	Công ty CP đầu tư Hùng Thắng Hung Thang Investment JSC

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
		province	
13	Dự án khu dân cư Valencia Riverside <i>Valencia Riverside residential zone project</i>	Phường Phú Hữu, quận 9, TP. HCM <i>Phu Huu ward, District 9, HCMC</i>	Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại – Sản xuất – Xây dựng Đồng Mê kong <i>Dong Mekong Services - Trade - Production- Construction Co., Ltd</i>
14	Thi công tòa nhà văn phòng cho thuê <i>Construction of office building for lease</i>	649/127 – Điện Biên Phủ, P.25, quận Bình Thạnh, TP.HCM <i>649/127 – Dien Bien Phu street, ward 25, Binh Thanh district, HCMC</i>	Công ty TNHH thiết kế xây dựng Đồng Nguyên <i>Dong Nguyen Design Construction Co.Ltd</i>
15	Xây mới văn phòng làm việc kết hợp Showroom <i>Rebuild office combine showroom</i>	Số 1505 đường A1, khu dân cư An Phú An Khánh, phường An Phú, Quận 2, TP.HCM <i>No. 1505, A1 street, An Phu An Khanh residential area, An Phu ward, District 2, HCMC</i>	Công ty CP Tư Vấn và Xây Dựng Tiên Phong <i>Tien Phong Construction consultant JSC</i>
16	Bệnh viện Triều Châu <i>Trieu Chau Hospital</i>	64 quốc lộ 1A, khóm 3, P.10, Tp. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng <i>64 National Highway 1A, clusters 3, Ward 10, Soc Trang city, Soc Trang Province</i>	Công ty CP Tư vấn – Xây dựng Pháp Á. <i>Phap A Consulting – Construction JSC.</i>
17	Nhà xưởng Công ty Hào Dương <i>Factory of Hao Duong Company</i>	Khu CN Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh <i>Hiep Phuoc Industrial Zone, Nha Be District, HCMC</i>	Công ty CP Tư vấn – Đầu tư – Xây dựng Tân Ba Lê. <i>Tan Ba Le Consulting – Investment - Construction JSC.</i>
18	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở Thị trấn Nhà Bè. <i>Building technical infrastructure in Nha Be town residential zone</i>	Thị trấn Nhà Bè, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh <i>Nha Be town, Nha Be district, HCMC</i>	Công ty CP Tư vấn – Đầu tư – Xây dựng Tân Ba Lê. <i>Tan Ba Le Consulting – Investment - Construction JSC.</i>
19	Chợ rau quả đầu mối Long An <i>Long An vegetables clue Market</i>	Ấp Bình Cang 1, xã Bình Thạnh, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An <i>Binh Cang 1 hamlet, Binh Thanh commune, Thu Thua district, Long An Province</i>	Công ty CP Tư vấn – Đầu tư – Xây dựng Tân Ba Lê. <i>Tan Ba Le Consulting – Investment - Construction JSC.</i>
20	Nhà ở Cán bộ - Công nhân viên Cảnh Sàì Gòn <i>Housing Officers - Employees of</i>	Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh <i>Hiep Phuoc Commune, Nha</i>	Công ty CP Tư vấn – Xây dựng Pháp Á. <i>Phap A Consulting –</i>

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
	Saigon Port	Be District, HCMC	Construction JSC.
21	Khu liên hợp chế biến thủy sản thực phẩm xuất khẩu. <i>The complex aquatic food processing for export</i>	Đường Đào Trí, P. Phú Thuận, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh <i>Dao Tri street, Phu Thuan Ward, District 7, HCMC</i>	Công ty Dịch vụ khai thác thủy sản Vũng Tàu <i>Vung Tau fishing services Company.</i>
22	Khu văn phòng, nhà làm việc, nhà xe, đường nội bộ phân xưởng sản xuất Công ty Sơn Osaka Việt Nam JSC <i>Office, houses, garages, internal roads, factories Vietnam Osaka J/C paint company</i>	Lô H36 Đường số 1, Khu Công Nghiệp Lê Minh Xuân, Tp. HCM <i>H36 road No 01, Le Minh Xuan Industrial zone, HCMC</i>	Công ty liên doanh Sơn Osaka Việt Nam <i>Osaka Vietnam Paint joint venture</i>
23	Hệ thống đường giao thông, thoát nước mưa, nước thải đường D14, D15, N12, N26, N27, N28 dự án TTHC và khu ĐTM thị xã Phước Long <i>System of road, rain water drainage, wastewater D14, D15, N12, N26, N27, N28 street at administrative center project and new town zone in Phuoc Long commune</i>	Thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước <i>Phuoc Long town, Binh Phuoc province</i>	Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại – Sản xuất – Xây dựng Đông Mê kong <i>Dong Mekong Services - Trade - Production- Construction Co., Ltd</i>
24	Nhà máy công nghệ cao và thiết bị chiếu sáng Đức Hậu Long <i>Duc Hau Long high- tech factory and lighting equipment</i>	KCN Giao Long – Xã An Phước – huyện Châu Thành – Tỉnh Bến Tre <i>Giao Long Industrial Zone- Commune An Phuoc- Chau Thanh District- Ben Tre province</i>	Công ty CP Công nghệ cao và thiết bị chiếu sáng Đức Hậu Long <i>Duc Hau Long high- tech lighting equipment JSC</i>
25	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Phòng giao dịch Đức Linh <i>Saigon Thuong Tin commercial Joint stock Bank- Duc Linh transaction office</i>	Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận <i>Duc Linh District, Binh Thuan province</i>	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín <i>Sai Gon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank</i>
26	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới An Phú Lộc và Cường Thịnh <i>Construction of An Phu Loc and Cuong Thinh new rural residential area</i>	Xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh <i>Xuan Lien commune, Nghi Xuan district, Ha Tinh province</i>	Công ty TNHH XNK Châu Tấn/ <i>Chau Tan Import Export Co., Ltd</i>
27	Thi công cầu sông Tắc <i>Construction of Song Tac bridge project</i>	Cao tốc Long Thành – Dầu Giây <i>Long Thanh – Dau Giay expressway project</i>	Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam <i>Vietnam expressway corporation</i>
28	Cầu VWS2 - Dự án khu công nghệ môi trường xanh – tỉnh Long An <i>VWS2bridge – Green technology Park Project – Long An province</i>	Tỉnh Long an <i>Long An province</i>	Công ty CP xử lý chất thải Việt Nam – Long An <i>Viet Nam waste solutions LA - VWS</i>
29	Thi công phần kết cấu thép Dự án Xây	Phường An Khánh, quận 2,	Công ty CP xử lý chất thải

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
	dựng khu nhà ở CII Thủ Thiêm Lake View 1 <i>Fabrication of steel structure parts of CII residential zone in Thu Thiem Lake View 1 project</i>	Tp.HCM <i>An Khanh ward, district 2, HCMC</i>	Việt Nam – Long An <i>Viet Nam waste solutions LA - VWS</i>
30	Nhà xưởng kết cấu thép Công ty Gốm sứ Vĩnh Long <i>Structural steel workshop of Vinh Long ceramics company</i>	Tỉnh Vĩnh Long <i>Vinh Long province</i>	Công ty TNHH xây dựng Phương Đông <i>Phuong Dong construction Co., Ltd</i>
31	Thi công phần kết cấu thép Dự án Nhà máy thuốc lá <i>Fabrication of steel structure parts for Tobacco factory project</i>	Tỉnh Long An <i>Long An province</i>	Công ty thuốc lá Sài Gòn <i>Sai Gon Tobacco Company</i>
32	Thi công phần kết cấu thép Dự án Chợ An Thạnh <i>Fabrication of steel structure parts for An Thanh market project</i>	Tỉnh Long An <i>Long An province</i>	Công ty CP Đầu tư Nam Long <i>Nam Long Investment Corporation</i>
33	Thi công phần kết cấu thép Dự án Siêu thị Coopmart <i>Fabrication of steel structure parts for Coopmart supermarket project</i>	Tỉnh Bến Tre <i>Ben Tre province</i>	Công ty TNHH Thép Trắng <i>White Steel Co., Ltd</i>
34	Thi công nhà xưởng kết cấu thép Công ty Sonadezi <i>Structural steel workshop of Sonadezi factory project</i>	Tỉnh Đồng Nai <i>Dong Nai province</i>	Tổng Công ty Sonadezi <i>Sonadezi Services Corporation</i>
35	Thi công phần kết cấu thép Dự án Trung tâm hội nghị tiệc cưới Melisa Center <i>Fabrication of steel structure parts for Melisa Center wedding conference</i>	Tp.HCM <i>HCMC</i>	Công ty TNHH Thép Trắng <i>White Steel Co., Ltd</i>
36	Thi công phần kết cấu thép Dự án Cáp treo Núi Cấm <i>Fabrication of steel structure parts for Mountain Cam slings project</i>	Tỉnh An Giang <i>An Giang province</i>	Công ty TNHH Thép Trắng <i>White Steel Co., Ltd</i>
37	Thi công phần kết cấu thép Dự án Siêu thị Maximark <i>Fabrication of steel structure parts for Maximark supermarket project</i>	Tỉnh Ninh Thuận <i>Ninh Thuan province</i>	Công ty TNHH Thép Trắng <i>White Steel Co., Ltd</i>
38	Thi công phần kết cấu thép Dự án The Shell <i>Fabrication of steel structure parts for The Shell project</i>	Huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang <i>Phu Quoc district, Kien Giang province</i>	Công ty TNHH MTV Phú Quốc Trần Thái <i>Phu Quoc Tran Thai One Member Co., Ltd</i>
39	Thi công phần kết cấu thép Dự án Trại heo 2400 <i>Fabrication of steel structure parts for Pig farm 2400 project</i>	Tỉnh Bình Định <i>Binh Dinh province</i>	Công ty TNHH thiết bị Phú Hưng <i>Phu Hung Equipment Co., Ltd</i>
40	Và nhiều công trình khác... <i>And many other projects...</i>	Vietnam	

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
III	Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát Design Consultancy, Supervision		
1	Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình dự án Thành Phần 3 Construction Supervision Consultant Thanh Phan 3 project	Tỉnh Bạc Liêu Bac Lieu province	Ban quản lý dự án 6 Project Management Unit No. 6
2	Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công – dự toán xây dựng công trình – Dự án hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 7 Consultancy of construction drawing design - construction cost estimation - Infrastructure of residential zone 7 project	Phường Hà Huy Tập, Tp. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh Ha Huy Tap ward, Ha Tinh city, Ha Tinh province	Ban quản lý công trình Tp. Hà Tĩnh Project Management Board of Ha Tinh City
3	Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công – dự toán xây dựng công trình – Dự án hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 6 Consultancy of construction drawing design - construction cost estimation - Infrastructure of residential zone 6	Phường Hà Huy Tập, Tp. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh Ha Huy Tap ward, Ha Tinh city, Ha Tinh province	Ban quản lý công trình Tp. Hà Tĩnh Project Management Board of Ha Tinh City
4	Tư vấn giám sát Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp và sân golf Project supervision consultant for high-end resorts and golf courses project	Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng Da Lat city, Lam Dong province	Công ty CP cáp và vật liệu Viễn Thông Cables and Telecommunications Material Joint Stock Company
5	Tư vấn thiết kế Công trình hạ tầng khu đô thị Đảo Đại Phước Lotus Design consultant of design of Dai Phuoc Lotus urban area infrastructure project	Xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai Dai Phuoc commune, Nhon Trach district, Dong Nai province	Công ty CP xây dựng Tiên Phong Tien Phong Construction Joint Stock Company
6	Tư vấn thẩm tra thiết kế và tư vấn giám sát dự án Lữ đoàn Công binh 25 Design consultancy and supervision consultancy of the 25 brigade	P.Tân Hiệp, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai, Tan Hiep ward, Bien Hoa city, Dong Nai province	Quân khu 7 – Lữ đoàn công binh 25 Military Zone 7 Online-Brigade 25
7	Tư vấn giám sát dự án hạ tầng khu dân cư Tân Cảng Supervision consultant for Tan Cang residential zone Infrastructure project	Quận 9, Tp.HCM District 9, HCMC	Công ty CP địa ốc Tân Cảng Tan Cang Real Estate Corporation
8	Tư vấn giám sát Dự án Xây dựng đường D3 kết nối vào cảng Sài Gòn – Hiệp Phước Supervision consultant for D3 road connecting to Sai Gon - Hiep Phuoc port project	Huyện Nhà Bè, Tp.HCM Nha Be district, HCMC	Công ty TNHH đầu tư phát triển đô thị Ngọc Viễn Đông Ngoc Vien Dong Urban Development Investment Co., Ltd
9	Và nhiều công trình khác... And many other projects...	Vietnam	
IV	Thi công phần nền móng Công trình		

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
Construction of Foundation Part			
1	Thi công ép cọc bê tông Dự án khu căn hộ cao tầng City Gate Towers <i>Compression of concrete pile for City Gate Towers apartment building project</i>	Phường 16, quận 8, Tp.HCM <i>Ward 16, District 8, HCMC</i>	Công ty TNHH Something Việt Nam <i>Something Vietnam Co., Ltd</i>
2	Thi công ép cọc bê tông Công trình cao ốc văn phòng dịch vụ (RoBot Tower) <i>Compression of concrete pile for service office building (RoBot Tower) project</i>	Quận 3, Tp.HCM <i>District 3, HCMC</i>	Công ty TNHH Something Việt Nam <i>Something Vietnam Co., Ltd</i>
3	Thi công ép cọc bê tông Dự án Cao ốc văn phòng <i>Compression of concrete pile for office building project</i>	51 Bến Chương Dương, p. Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp.HCM <i>51 Ben Chuong Duong street, Nguyen Thai Binh ward, district 1, HCMC</i>	Công ty TNHH Something Việt Nam <i>Something Vietnam Co., Ltd</i>
4	Thi công ép cọc bê tông Công trình Thủ Thiêm Lake View Tower <i>Compression of concrete pile for Thu Thiem Lake View Tower project</i>	Phường An Khánh, quận 2, Tp.HCM <i>An Khanh ward, district 2, HCMC</i>	Công ty TNHH Something Việt Nam <i>Something Vietnam Co., Ltd</i>
5	Thi công cọc Xi măng- Đất Dự án Cải Tạo Bờ Kênh Tân Hóa, Lò Gốm <i>Construction of Soil- Cement column for Tan Hoa, Lo Gom cannel embankment project</i>	Quận 6 -TPHCM <i>District 6, HCMC</i>	Công ty TNHH Something Việt Nam <i>Something Vietnam Co., Ltd</i>
6	Thi công cọc Xi măng- Đất Dự án Gia Cố Đê Bao Vĩnh Trạch – Thoại Sơn – An Giang <i>Construction of Soil- Cement column for Dike improvement, Vinh Trach Commune, Thoai Son District, An Giang province</i>	Xã Vĩnh Trạch – Huyện Thoại Sơn – An Giang <i>Vinh Trach Commune, Thoai Son District, An Giang Commune</i>	Công ty TNHH Something Việt Nam <i>Something Vietnam Co., Ltd</i>
7	Thi công cọc Xi măng- Đất Dự án khu Đô Thị Mới An Phú Thịnh <i>Construction of soil- cement column for An Phu Thinh new urban project.</i>	Đầm Thị Nại, TP. Quy Nhơn, Bình Định <i>Dam Thi Nai St, Quy Nhon City, Binh Dinh Province</i>	Công ty TNHH Something Việt Nam <i>Something Vietnam Co., Ltd</i>
8	Thi công cọc Xi măng- Đất Dự án Cao Ốc Bình Minh <i>Construction of Soil- Cement column for Binh Minh building project</i>	Q8, TPHCM <i>District 8, HCMC</i>	Công ty TNHH Something Việt Nam <i>Something Vietnam Co., Ltd</i>
9	Thi công cọc Xi măng- Đất Dự án Khu Đô Thị Mới Đa Phước <i>Construction of Soil- Cement column for Da Phuoc New urban area project</i>	Quận Hải Châu – TP Đà Nẵng <i>Hai Chau District, Da Nang City</i>	Công ty TNHH Something Việt Nam <i>Something Vietnam Co., Ltd</i>
10	Thi công cọc Xi măng- Đất Dự án Cao Ốc Căn Hộ & Biệt Thự Cao Cấp BMC	60/7 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Q.7, TPHCM	Công ty TNHH Something Việt Nam

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
	Construction of Soil- Cement column for BMC Apartment and Luxury Villa project	60/7 Huynh Tan Phat St., Phu Thuan Ward, District 7, HCMC	Something Vietnam Co., Ltd
11	Thi công cọc Xi măng- Đất Dự án Căn Hộ Cao Cấp Quốc Cường Gia Lai Construction of Soil- Cement column for Quoc Cuong Gia Lai luxury apartment project	Tạ Quang Bửu, Q.8, TPHCM Ta Quang Buu St., District 8, HCMC	Công ty TNHH Something Việt Nam Something Vietnam Co., Ltd
12	Thi công cọc Xi măng- Đất Dự án Nhiệt Điện Duyên Hải I Construction of Soil- Cement column for Duyen Hai I Thermal Plant	Huyện Duyên Hải - Tỉnh Trà Vinh Duyen Hai District, Tra Vinh Province	Công ty TNHH Something Việt Nam Something Vietnam Co., Ltd
13	Thi công cọc Xi măng- Đất Dự án Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu Ba Ria – Vung Tau hospital project	TX Bà Rịa Vũng Tàu Ba Ria City, Ba Ria – Vung Tau Province	Công ty TNHH Something Việt Nam Something Vietnam Co., Ltd
14	Thi công cọc Xi măng- Đất Dự án Mở Rộng Kho Chứa Nhà Máy Chế Biến Condensate Construction of Soil- Cement column for Widening of warehouse in Condensate Plant project	Cảng Phú Mỹ- Bà Rịa Vũng Tàu Phu My Port, Ba Ria – Vung Tau Province	Công ty TNHH Something Việt Nam Something Vietnam Co., Ltd
15	Thi công cọc Xi măng- Đất Dự án Đường Bùi Hữu Nghĩa Construction of Soil- Cement column for Bui Huu Nghia street project	Đường Bùi Hữu Nghĩa, P.12, Q. Bình Thạnh, TPHCM Ward 12, Binh Thanh District, HCMC	Công ty TNHH Something Việt Nam Something Vietnam Co., Ltd
16	Thi công cọc Xi măng- Đất Dự án Gói 10 Kênh Tân Hóa – Lò Gốm Construction of Soil- Cement column for Package 10, Tan Hoa – Lo Gom Cannal	Quận 6 – TPHCM District 6, HCMC	Công ty TNHH Something Việt Nam Something Vietnam Co., Ltd
17	Thi công cọc Xi măng- Đất Dự án Công trình nâng cấp bãi đạt tải trọng 50T/m ² Construction of Soil- Cement column for Upgrading yard reach to 50T/m2 project	Cảng hạ lưu PTSC, Tp. Vũng Tàu PTSC Supply Base, Vung Tau City	Công ty TNHH Something Việt Nam Something Vietnam Co., Ltd
18	Khoan cọc nhồi Dự án nhà máy Bô xít Nhân Cơ. Construction of bored pile for Nhan Co bauxite factory project	Huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông. Đak R'lap district, Dak Nong province	Công ty TNHH Xây dựng nền móng Tam Đạt Tam Dat foundation construction Co., Ltd
19	Khoan cọc nhồi Dự án nút Giao thông Gò Dưa Construction of bored pile for Go Dua inetrsetion project	Quận Thủ Đức, TP.HCM Thu Duc district, HCMC	Công ty TNHH Xây dựng nền móng Tam Đạt Tam Dat foundation construction Co., Ltd
20	Khoan cọc nhồi Dự án cầu Cửa Đại Construction of bored pile for Cua Dai bridge project	Tỉnh Quảng Nam Quang Nam province	Công ty TNHH Xây dựng nền móng Tam Đạt Tam Dat foundation

STT No	Tên Dự án Name of Projects	Địa điểm Location	Đối tác/ Chủ đầu tư Partner/ Client
			construction Co., Ltd
21	Khoan cọc nhồi Dự án cầu Cái Răng, cầu Nhu Gia, cầu Hộ Phòng Construction of bored pile for Cai Rang bridge, Nhu Gia bridge, Ho phong bridge project	QL 1A đoạn Cần Thơ – Cà Mau Highway 1A segment from Can Tho to Ca Mau	Công ty TNHH Xây dựng nền móng Tam Đạt Tam Dat foundation construction Co., Ltd
22	Khoan cọc nhồi Dự án cầu Thanh Lợi Construction of bored pile for Thanh Loi bridges project	QL 54, tỉnh Vĩnh Long Highway No.54, Vinh Long province	Công ty TNHH Xây dựng nền móng Tam Đạt Tam Dat foundation construction Co., Ltd
23	Khoan cọc nhồi Dự án cầu Cái Vồn Nhỏ Construction of bored pile for Cai Von Nho bridges project	QL 54, tỉnh Vĩnh Long Highway No.54, Vinh Long province	Công ty TNHH Xây dựng nền móng Tam Đạt Tam Dat foundation construction Co., Ltd
24	Khoan cọc nhồi Dự án cầu Tân Hữu, Cầu Bình Lữ Construction of bored pile for Tan Huu bridge, Binh lu bridge project	QL 1A, tỉnh Vĩnh Long Highway No.1A, Vinh Long province	Công ty TNHH Xây dựng nền móng Tam Đạt Tam Dat foundation construction Co., Ltd
25	Khoan cọc nhồi Dự án cầu Tắc Tây Đen Construction of bored pile for Tac Tay Den bridge project	Huyện Cần Giở, Tp.HCM Can Gio district, HCMC	Công ty TNHH Xây dựng nền móng Tam Đạt Tam Dat foundation construction Co., Ltd
26	Và nhiều công trình khác... And many other projects	Vietnam	Và nhiều công trình khác... And many other projects

V. MÁY MÓC, TRANG THIẾT BỊ - MACHINERY AND EQUIPMENT

Công ty IHCIC hiện sở hữu những máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại của những hãng sản xuất nổi tiếng trên thế giới như Matest, Controls (Ý), Humbolt, Geokon, Durham Geo Slope Indicator, Trimble (Mỹ), Geomil (Hà Lan), Geotech (Thụy Điển), YBM, Komatsu, Hitachi (Nhật Bản), Doosan (Hàn Quốc) và Caterpillar (Mỹ).....

IHCIC currently owns advanced and modern machines and technological equipments from famous manufacturers in the world such as Matest, Controls (Italy), Humbolt, Geokon, Durham Geo Slope Indicator, Trimble (USA), Geomil (Netherlands), Geotech (Sweden), YBM, Komatsu, Hitachi (Japan), Doosan (Korea) and Caterpillar (USA).....

Bảng 3: Bảng Liệt Kê Máy Móc, Thiết Bị

Table 3: List of Machinery and Equipment

STT No	Thiết bị, máy móc <i>Machinery and Equipment</i>	Nước SX <i>Country Production</i>	Năm SX <i>Year Production</i>	Số lượng <i>Quantity (bộ/ set)</i>	Chất lượng <i>Quanlity</i>
I	Thiết bị Văn phòng <i>Stationary equipment</i>				
1	Máy vi tính để bàn <i>Desktop</i>	Mỹ, Nhật Bản <i>USA, Japan</i>	2018-2020	15	80% - 98%
2	Máy vi tính xách tay <i>Laptop</i>	Mỹ, Nhật Bản. <i>USA, Japan</i>	2018-2020	15	80% - 95%
3	Máy in Canon LBP-1120 <i>Printer Canon LBP-1120</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2018-2020	05	80% - 95%
4	Máy in Canon LBP-2900 <i>Printer Canon LBP-2900</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2018-2020	03	80% - 95%
5	Máy in, scan, photocopy Brother DCP - 145C <i>Scanner, Printer, Photocopier Brother DCP - 145C</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2019-2020	02	85%
6	Máy in, scan, photocopy Samsung SCX-4200 <i>Scanner, Printer, Photocopier Samsung SCX-4200</i>	Hàn Quốc <i>Korea</i>	2019-2021	04	95%
7	Máy Photocopy RICCORH TF810W <i>Photocopier RICCORH TF810W</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2020	01	90%
8	Máy Photocopy TOSHIBA E-STUDIO 450 <i>Photocopier TOSHIBA E-STUDIO 450</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2021	01	95%
II	Thiết bị Khảo sát Địa hình, khảo sát biển <i>Topographic survey and sea survey equipment</i>				
1	GNSS system Leica GPS-1200	Thụy Sĩ <i>Switzerland</i>	2018	08	85-95%
2	GNSS RTK CHC M5+	Hong Kong	2020	03	88%
3	Máy thủy bình Topcon AT-B4 <i>Level machine Topcon AT-B4</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	2019	01	90%
4	Máy thủy bình tự động Leica NA 700 Series NA 700 Series Automatic level Machine	Thụy Sĩ <i>Switzerland</i>	2016	04	87%
5	Máy toàn điện tử đặc Leica TCR 802 <i>Total station Leica TCR 802</i>	Thụy Sĩ <i>Switzerland</i>	2018	08	81%
6	Máy đo sâu hồi âm Odom Hydrotrac II <i>Odom Hydrotrac II Single beam echo sounder</i>	Mỹ <i>USA</i>	2018	03	82%
7	Cảm biến bù sóng TSS DMS10 <i>Motion Senser TSS DMS10</i>	Mỹ <i>USA</i>	2018	02	90%
8	Thiết bị đo vận tốc âm Valeport mini	Mỹ	2019	01	95%

STT No	Thiết bị, máy móc <i>Machinery and Equipment</i>	Nước SX <i>Country Production</i>	Năm SX <i>Year Production</i>	Số lượng <i>Quantity (bộ/ set)</i>	Chất lượng <i>Quanlity</i>
	SVS <i>Valeport Sound Velocity profiler mini SVS</i>	USA			
9	Thiết bị Side Scan Sonar <i>Klein Side scan sonar</i>	Mỹ USA	2020	02	90%
10	Thiết bị định vị vệ tinh DGPS <i>DGPS positioning system</i>	Mỹ USA	2019	08	95%
11	Thiết bị đo sâu đa tia Kongsberg Geoswath plus 125khz <i>Multibeam echosounder system Kongsberg geoswath plus 125khz</i>	Na Uy Norway	2019	01	95%
12	Hệ thống máy đo địa chấn: Sub- bottom profiling system Applied Acoustic <i>Seismic measuring system: Sub-bottom profiling system Applied acoustic</i>	Holland	2018	01	90%
13	Phần mềm khảo sát và xử lý QPS Qinsy, Fledermaus, Qimera, Sonarwiz <i>Surveying and processing software QPS Qinsy, Fledermaus, Qimera, sonarwiz</i>	Hà Lan Netherland	2016	01	90%
14	Phần mềm khảo sát Hypack <i>Survey software Hypack</i>	Mỹ USA	2016	01	95%
15	Phần mềm báo cáo AutoChart <i>Reporting software: Autochart</i>				
III	Thiết bị đo Thủy văn <i>Hydrologic equipment</i>				
1	Máy đo chua <i>Sour Meter</i>	Mỹ USA	2014	01	80%
2	Máy đo mặn <i>Salinity meter</i>	Mỹ USA	2016	01	80%
3	Máy đo sóng & tốc độ dòng chảy có hướng 3DACM97 <i>Directional flow rate meter & wave meter 3DACM97</i>	Mỹ USA	2020	02	98%
4	Máy đo tổng hợp dòng chảy ADCP(600Khz) <i>Flow synthesizer meter ADCP(600Khz)</i>	Mỹ USA	2019	02	95%
5	Máy đo bùn cát lơ lửng OBS5 <i>Suspended sand meter OBS5</i>	Mỹ USA	2018	02	95%
6	Máy đo dòng ven bờ Nortek <i>Nearshore Current Meter</i>	Nauy	2019	02	95%
7	Máy đo độ đục <i>Turbidity meter</i>	Mỹ USA	2019	02	95%
8	Máy đo sóng, dòng chảy ven bờ	Mỹ	2020	02	98%

STT No	Thiết bị, máy móc <i>Machinery and Equipment</i>	Nước SX <i>Country Production</i>	Năm SX <i>Year Production</i>	Số lượng <i>Quantity (bộ/ set)</i>	Chất lượng <i>Quanlity</i>
	Flowquest Wave meter, coastal current	USA			
9	Máy lưu tốc <i>Velocity meter</i>	Mỹ USA	2016	01	80%
10	Máy đo độ PH của nước <i>PH meter of water.</i>	Nhật Bản Japan	2017	01	98%
IV	Thiết bị Khoan và thí nghiệm Địa kỹ thuật hiện trường Drilling machine and Site Geotechnical testing equipment				
1	Giàn Jack up Jack up Rigs	Viet Nam	2018-2021	09	90%
2	Máy khoan XY-1, khoan sâu tối đa 100,0m. <i>Drilling machine XY-1A, maximum 100 metres drilling depth.</i>	Trung Quốc China	2016	04	85%
3	Máy khoan XY-1A-4, khoan sâu tối đa 150,0m. <i>Drilling machine XY-1A, maximum 150 metres drilling depth.</i>	Trung Quốc China	2016-2018	04	90%
4	Máy khoan GJ200-4, khoan sâu tối đa 200,0m. <i>Drilling machine GJ200-4, maximum 200 metres drilling depth.</i>	Trung Quốc China	2016-2018	04	90%
5	Dụng cụ thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. <i>Standard penetration apparatus.</i>	Trung Quốc China	2017	08	90%
6	Máy xuyên động DPSH- Apageo <i>Apageo dynamic probing super heavy apparatus</i>	Pháp France	2017	01	90%
7	Máy nén ngang Menard <i>Menard pessuremeter apparatus</i>	Pháp France	2017	01	90%
8	Máy xuyên tĩnh kết hợp đo áp lực nước lỗ rỗng CPTu- Geomil <i>Geomil Cone penetration test combined with pore pressure measurement CPTu.</i>	Thụy Điển Sweden	2018-2020	07	90%
9	Máy cắt cánh hiện trường GeoTech <i>GeoTech filed vane shear apparatus</i>	Thụy Điển Sweden	2017	01	90%
10	Dụng cụ đo mực nước ngầm Geokon <i>Geokon Water level indicators</i>	Mỹ USA	2017	01	90%
11	Dụng cụ đo áp lực nước lỗ rỗng Geokon <i>Geokon Pore pressure measurement</i>	Mỹ USA	2017	03	90%
12	Máy quan trắc nghiêng inclinometer Geokon <i>Geokon inclinometer observation machine</i>	Mỹ USA	2017	01	90%

STT No	Thiết bị, máy móc <i>Machinery and Equipment</i>	Nước SX <i>Country Production</i>	Năm SX <i>Year Production</i>	Số lượng <i>Quantity (bộ/ set)</i>	Chất lượng <i>Quanlity</i>
13	Máy đo lún sâu Extensometer Geokon <i>Geokon extensometer deep settlement measurement</i>	Mỹ USA	2017	01	90%
14	Dụng cụ thí nghiệm thấm theo Netstrop. <i>Apparatus for permeability testing by Netstrop</i>	Trung Quốc China	2018	02	90%
15	Thiết bị thí nghiệm ép nước hiện trường. <i>Apparatus for permeability testing by pressing water method.</i>	Trung Quốc China	2018	04	90%
16	Thiết bị hút nước thí nghiệm. <i>Absorbent test equipment.</i>	Trung Quốc China	2016	02	90%
17	Máy xuyên trọng lực SWS- Geokarte <i>SWS Geokarte Swedish sounding test machine</i>	Nhật Bản Japan	2016	01	85%
V	Thiết bị thí nghiệm Địa vật lý <i>Geophysical testing equipment</i>				
1	Máy đo điện trở của đất <i>Soil resistance meter.</i>	Nhật Bản, Mỹ Japan, USA	2017	02	94%
2	Máy đo địa chấn 24 kênh Seistronix Ras 24 (USA) <i>24 channel seismometer machine Seistronix Ras 24 (USA)</i>	Mỹ USA	2017	01	95%
3	Máy đo điện trở suất WDDS-2 (USA) <i>Resistivity meter WDDS-2 (USA)</i>	Mỹ USA	2017	01	97%
4	Hệ thống máy đo địa chấn: Sub- bottom profiling system Applied Acoustic <i>Seismic measuring system: Sub-bottom profiling system Applied acoustic</i>	Mỹ USA	2017	01	95%
VI	Thiết bị thí nghiệm trong phòng <i>Laboratory testing equipment</i>				
1	Máy nén bê tông Matest 200 tấn <i>Matest concrete compresstion machine 200 tons.</i>	Ý Italia	2017	02	95%
2	Máy kéo thép 100 tấn <i>100 tons hydraulic servo-controlled machines for tensile tests on steel.</i>	Trung Quốc China	2017	01	95%
3	Cân điện tử 30 kg <i>Electronic scales 30kg</i>	Nhật Bản Japan	2015	02	98%
4	Cân điện tử OHAUS 200 g <i>Electronic scales OHAUS 200 g</i>	Mỹ USA	2015	02	98%
5	Cân điện tử 3kg SHINCO <i>Electronic scales 3kg SHINCO</i>	Nhật Bản Japan	2015	01	95%
6	Máy siêu âm cường độ bê tông <i>Ultrasound concrete strength.</i>	Ý Italia	2016	02	98%

STT No	Thiết bị, máy móc <i>Machinery and Equipment</i>	Nước SX <i>Country Production</i>	Năm SX <i>Year Production</i>	Số lượng <i>Quantity (bộ/ set)</i>	Chất lượng <i>Quanlity</i>
7	Máy đầm nén tiêu chuẩn, cải tiến <i>Modified, Standard Proctor Rammers</i>	Ý <i>Italia</i>	2017	02	98%
8	Máy nén cố kết <i>Oedometer compression test</i>	Ý <i>Italia</i>	2017	120	95%
9	Máy CBR trong phòng <i>CBR testing machine.</i>	Ý <i>Italia</i>	2017	02	98%
10	Máy ly tâm tách nhựa <i>Centrifuge Extractors.</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2015	01	98%
11	Máy cắt trực tiếp Controls <i>Controls Direct Shearing Apparatus</i>	Ý <i>Italia</i>	2017	02	98%
12	Cần Benkelman <i>Benkelman rode.</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2015	01	98%
13	Kim Vica <i>Vicat Apparatus</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2015	01	98%
14	Máy sàng vật liệu <i>Sieve Shakers</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2015	01	98%
15	Bộ sàng vật liệu <i>Sieves</i>	Ý <i>Italia</i>	2015	02	98%
16	Bộ thiết bị thí nghiệm vi xuyên và vi cắt cánh <i>Pocket Penetrometers and Shear Vanes</i>	Mỹ <i>USA</i>	2017	01	98%
17	Dụng cụ thí nghiệm nén tải trọng tĩnh <i>Plate Bearing Test apparatus.</i>	Ý <i>Italia</i>	2015	02	98%
18	Dụng cụ Atterberg <i>Atterberg limit apparatus</i>	Mỹ <i>USA</i>	2016	01	95%
19	Máy thử độ thấm thấu bê tông <i>Concrete Anti-leak Device (Anti- leakage Tester)</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2015	01	98%
20	Máy nén ba trục Controls <i>Controls Triaxial test apparatus</i>	Ý <i>Italia</i>	2018	03	95%
21	Máy nén một trục nở hông <i>Unconfined pressure gauge</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2016	02	98%
22	Máy đo độ giãn dài nhựa <i>Ductilometer With Cooling System</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2015	01	98%
23	Dụng cụ xác định nhiệt bắt lửa của bitum <i>Tools determine ignition temperature of bitumen.</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2015	01	98%
24	Máy đo độ kim lún nhựa <i>Automatic bitumen penetromete testing machine</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2015	01	98%
25	Máy thí nghiệm Marshal <i>Marshall testing equipment</i>	Ý <i>Italia</i>	2017	01	95%
26	Thiết bị xác định độ chặt bằng phễu rót cát <i>Sand density cone apparatus by sand</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2016	03	98%

STT No	Thiết bị, máy móc <i>Machinery and Equipment</i>	Nước SX <i>Country Production</i>	Năm SX <i>Year Production</i>	Số lượng <i>Quantity (bộ/ set)</i>	Chất lượng <i>Quanlity</i>
	<i>replacement method.</i>				
27	Tủ sấy đa năng <i>Laboratory drying ovens for general purpose.</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2014	02	90%
28	Máy thử vải Địa kỹ thuật <i>Geosynthetic materials comprehensive tester</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2014	01	98%
29	Thiết bị thí nghiệm CBR hiện trường <i>Site CBR Testing Machine</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2014	01	98%
30	Kích thủy lực 300 tấn <i>Hydraulic Jack 300 tons.</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2015	04	95%
31	Kích thủy lực 500 tấn <i>Hydraulic Jack 500 tons.</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2015	02	95%
32	Dụng cụ thí nghiệm thấm <i>Permeability Testing Machine (Permeameter)</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2017	05	95%
33	Dụng cụ thí nghiệm độ trương nở của đất <i>Soil expansion apparatus</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2015	01	95%
34	Dụng cụ thử nghiệm bọt khí bê tông <i>Air entrainment meter apparatus</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2015	01	95%
35	Máy đẩy mẫu <i>Universal hydraulic extruder</i>	Ý <i>Italia</i>	2014	01	95%
36	Súng bắn bê tông <i>Original 'Schmidt' test hammers</i>	Ý <i>Italia</i>	2017	02	95%
37	Máy cắt mẫu <i>Specimen cutting machines</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2017	01	95%
38	Dụng cụ thử độ sụt bê tông <i>Slump cone test sets</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2015	05	95%
39	Máy thử uốn và kéo bê tông <i>Concrete flexural and transverse machines</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2016	01	95%
40	Máy trộn vữa tự động <i>Automatic mortar mixer</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2016	01	95%
41	Máy mài mòn Los Angeles <i>Los Angeles abrasion machine</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2015	01	95%
42	Máy thử PDA <i>PDA tester</i>	Mỹ <i>USA</i>	2017	01	95%
43	Máy thử PIT <i>PIT tester</i>	Mỹ <i>USA</i>	2017	01	95%
44	Dụng cụ đo PH của đất <i>PH meter for soil.</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	2016	01	98%
45	Máy siêu âm cọc khoan nhồi <i>Ultrasound machine for bored pile</i>	Mỹ <i>USA</i>	2017	01	98%

STT No	Thiết bị, máy móc <i>Machinery and Equipment</i>	Nước SX <i>Country Production</i>	Năm SX <i>Year Production</i>	Số lượng <i>Quantity (bộ/ set)</i>	Chất lượng <i>Quanlity</i>
VII	Thiết bị Thi công Xây dựng <i>Construction equipment</i>				
1	Máy ủi T.130 <i>Bulldozer T.130</i>	Nga <i>Russia</i>	2009	01	95%
2	Máy đào KOBECO <i>Excavators KOBECO</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	2011	02	85%
3	Xe lu Mitsubishi <i>Roller Mitsubishi</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	2010	01	78%
4	Máy khoan cọc nhồi đường kính: 250 - 600mm <i>Drilling machine for bored piles: 250 - 600mm</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	2010	02	85%
5	Máy phun vữa. <i>Motar grouting machine</i>	Trung Quốc <i>China</i>	2012	03	90%
6	Cần trục bánh xích Cobelco, Model: 7065 <i>Crawler crane COBELCO, Model: 7065</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	2011	01	85%
7	Cần trục bánh xích Sumitomo, Model: SD307 <i>Crawler crane Sumitomo, Model: SD307</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	2008	01	90%
8	Cần trục bánh xích Nippon haryo, Model: D508 <i>Crawler crane Nippon haryo, Model: D508</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	2007	01	80%
9	Máy búa đóng cọc cần trục bánh xích Hitachi, Model: PD100 <i>Pile hammer of crawler crane Hitachi, Model: PD100</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	1997	01	90%
10	Máy búa đóng cọc cần trục bánh xích Nippon Sharyo, Model: D508-100 <i>Pile hammer of crawler crane Nippon Sharyo, Model: D508-100</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	1998	01	90%
11	Máy búa đóng cọc cần trục bánh xích Nippon Sharyo, Model: D508-105 <i>Pile hammer of crawler crane Nippon Sharyo, Model: D508-105</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	2005	02	85%
12	Máy búa đóng cọc cần trục bánh xích Sumitomo, Model: LS118RH <i>Pile hammer of crawler crane Sumitomo, Model: LS118RH</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	1998	01	85%
13	Máy đào Komatsu <i>Excavators Komatsu</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	2000	02	85%
14	Máy đào IHI <i>Excavators IHI</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	2000	01	85%
15	Máy phát điện Denyo, Mitsubishi, Komatsu	Nhật Bản <i>Japan</i>	2000 & 2004	06	85%

STT No	Thiết bị, máy móc <i>Machinery and Equipment</i>	Nước SX <i>Country Production</i>	Năm SX <i>Year Production</i>	Số lượng <i>Quantity (bộ/ set)</i>	Chất lượng <i>Quanlity</i>
	<i>Electromgnetic generator Denyo, Mitsubishi, Komatsu</i>				
16	Máy khoan cọc nhồi <i>Pile drilling machine</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	199	05	80%
17	Xe bánh xích chuyên dùng <i>Specialized caterpillar</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	1997	02	85%
18	Máy khoan ngang có định hướng <i>Horizontal directional drilling</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	2004	02	85%
19	Máy Khoan Đá CMV TH-30S <i>Rock Drill machine CMV TH-30S</i>	Ý <i>Italia</i>	2005	01	85%
20	Máy khoan IHI DCH650 - R12G <i>Drill machine IHI DCH650 - R12G</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	2005	01	85%
21	Máy khoan Sumitomo LS 78RH-R6G <i>Drill machine Sumitomo LS 78RH-R6G</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>	2005	01	85%

VI. TÓM TẮT DỮ LIỆU TÀI CHÍNH CÔNG TY - SUMMARY OF COMPANY'S FINANCIAL DATA

Thống kê tóm tắt một số thông tin tài chính cơ bản của Công ty trong 03 năm gần nhất được thể hiện trong Bảng 4

Summary of basic financial information of our Company in the last 03 years are shown in following Table 4:

Bảng 4: Bảng Tóm Tắt Các Thông Tin Tài Chính Cơ Bản
Table 4: Summary of Basic Financial Information

Đơn vị tính/ Unit: VNĐ

STT	Nội dung/ Content	Năm (Year)		
		2018	2019	2020
1	Tổng tài sản <i>Total assets</i>	29.429.502.908	35.760.980.402	36.734.250.906
2	Tổng nợ phải trả <i>Total liabilities</i>	6.555.071.000	10.379.240.000	8.955.973.897
3	Tài sản ngắn hạn <i>Short term assets</i>	24.098.713.128	31.115.573.402	32.774.226.706
4	Vốn lưu động hoặc vốn kinh doanh <i>Working capital or business capital</i>	22.874.431.928	25.381.740.402	27.778.288.009
5	Doanh thu <i>Revenue</i>	105.580.400.000	110.054.200.000	119.012.540.000
6	Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	3.379.638.974	3.134.135.592	2.995.670.759
7	Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	2.703.711.180	2.507.308.474	2.396.536.607

VII. CAM KẾT CỦA CÔNG TY - COMPANY'S COMMITMENT

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Holdings cam kết mang đến cho khách hàng sự hài lòng tối đa bằng các sản phẩm chất lượng cao, đúng tiến độ với giá thành hợp lý nhất. Thay mặt Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn quý Khách hàng đã tin nhiệm và hợp tác với chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Indochina Holdings Construction and Investment Consultant Company Limited is committed to bringing customers maximum satisfaction with high quality products, on schedule with the most reasonable price. On behalf of the Company, I would like to sincerely thank our customers for their trust and cooperation with us during the past time.

Trân trọng,

Best regards

Tổng Giám đốc

General Director

Lê Khánh Hiệp

Kỹ sư xây dựng Cầu Đường

Bridge and Road Construction engineer



PHẦN II: HỒ SƠ PHÁP LÝ CÔNG TY

PART II: COMPANY LEGAL DOCUMENTS



II-1: GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

II-1: *CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0310913546

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 06 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 06 tháng 01 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG DƯƠNG HOLDINGS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INDOCHINA HOLDINGS CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTANT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: IHCIC

2. Địa chỉ trụ sở chính

16 Đường 2B, Khu phố 2, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 6276 2267 - 028 6672 5689

Fax: 028 6276 2267

Email: info@ihcic.vn

Website: <http://ihcic.vn/>

3. Vốn điều lệ

30.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN NGỌC BẢO

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 25/10/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019080000269

Ngày cấp: 25/10/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: LB-15.15 Chung cư Lexington, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: LB-15.15 Chung cư Lexington, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **LÊ KHÁNH HIỆP** Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Tổng giám đốc**

Sinh ngày: **13/04/1983** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Chứng minh nhân dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **187844915**

Ngày cấp: **04/07/2017** Nơi cấp: **CA Tỉnh Nghệ An**

Địa chỉ thường trú: **Khối Mỹ Thành, Phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **10.2 Nhà F lô N,, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

TRƯỞNG PHÒNG
Phó Trưởng Phòng
PHÒNG
ĐĂNG KÝ
KINH DOANH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Hoàng Sơn

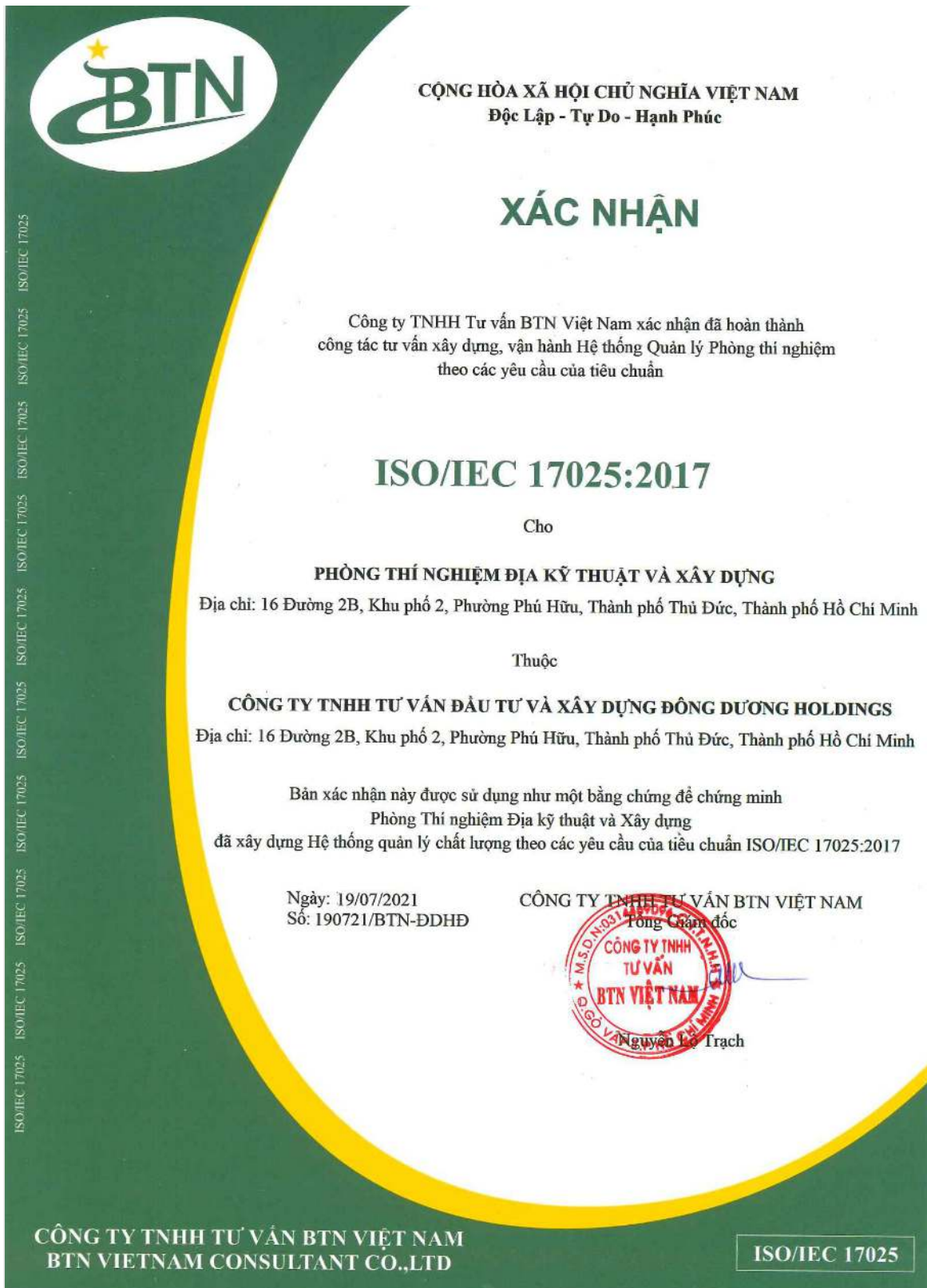
II-2: CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

II-2: *CERTIFICATE OF CONSTRUCTION ACTIVITY CAPACITY*

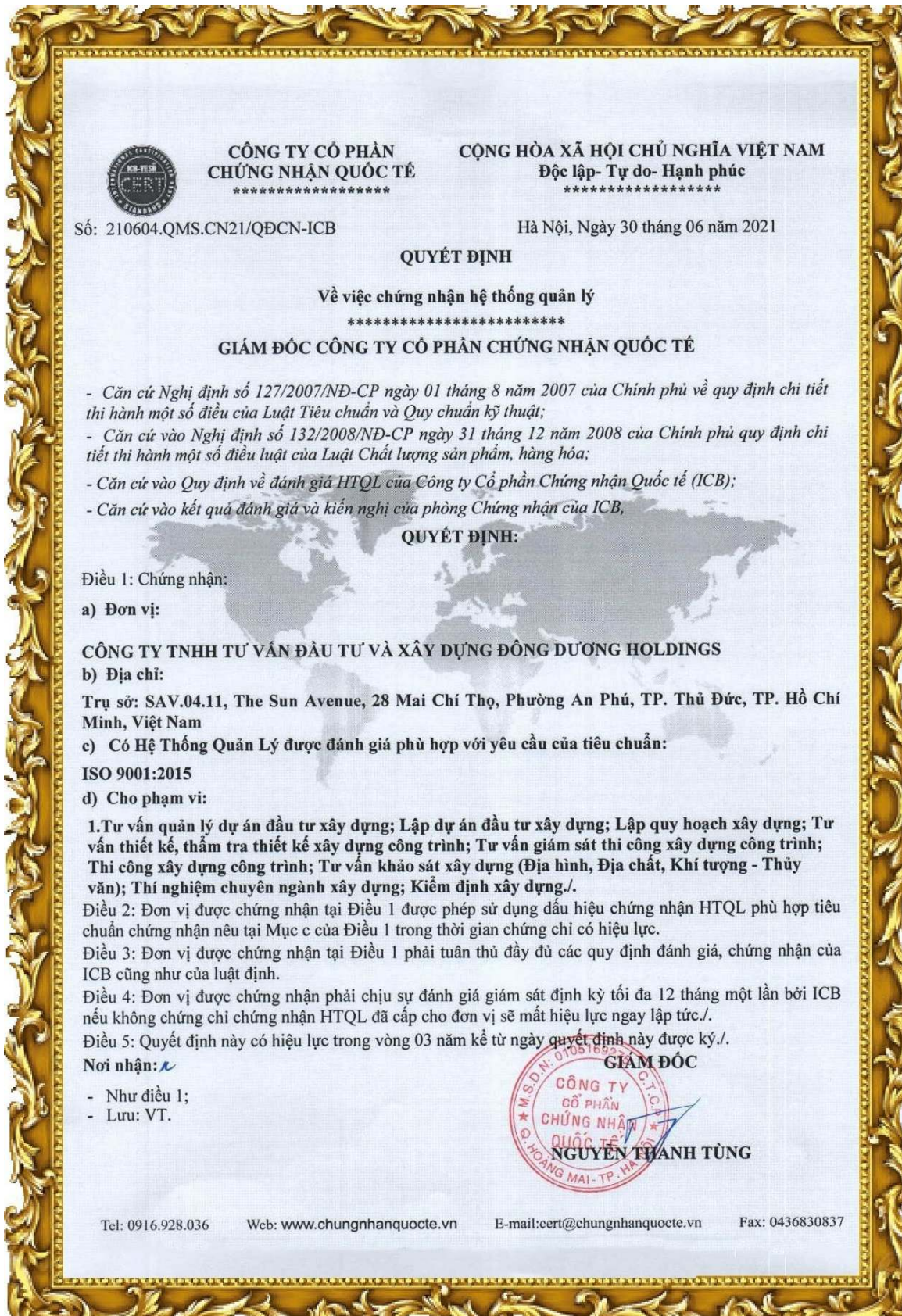


II-3: CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG ISO

II-3: *QUALITY CERTIFICATE ISO*









**II-4: GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

**II-4: *CERTIFICATE OF ELIGIBILITY FOR TEST ACTIVITIES SPECIALIZED
IN CONSTRUCTION***

BỘ XÂY DỰNG
Số: 159 /GCN-BXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2021

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Holdings ngày 20 tháng 7 năm 2021.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Holdings
Địa chỉ: Số 16 đường 2B, Khu phố 2, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã số thuế: 0310923546
Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật và xây dựng công nghệ cao Việt – Nhật
Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 16 đường 2B, Khu phố 2, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.
2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1828**
3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế cho Giấy chứng nhận số 1147/GCN-BXD 12 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Holdings;
- Sở XD Tp. HCM;
- TT thông tin (Website);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1828**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Số:
159 /GCN-BXD, ngày 19 tháng 8 năm 2021)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ HÓA XI MĂNG		
1.	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03; ASTM C184; ASTM C204; BS 4550; JIS R 5201; AASHTO T128; AASHTO T153
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11; ASTM C109; AASHTO T106; EN 196-1; BS 4550; JIS R 5201
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15; ASTM C187; ASTM C191; JIS R 5201; EN 196-3; AASHTO T131; AASHTO 129
4.	Lượng mất khi nung, Hàm lượng SiO ₃ ; SiO ₂ ; Fe ₂ O ₃ ; Al ₂ O ₃ ; CaO; MgO; SO ₃ ; CL; CaO tự do; TiO ₂ ; MnO và cặn không tan	TCVN 141:08; ASTM C114-13; AASHTO T105
PHÂN TÍCH HÓA CƠ BẢN ĐẤT SÉT; VLXD		
5.	Hàm lượng SiO ₂ ; Al ₂ O ₃ ; Fe ₂ O ₃ ; CaO; MgO SO ₄ ; CL; TiO ₂ ; CO ₃ ; HL cặn không tan	TCVN 7131:02; BS 1377-90; GB/T 50123; BS EN 206:2013
6.	Hàm lượng SO ₄	TCVN 4352:86; TCVN 6656:00; ASTM C1580 – 20; BS 1377-90; GB/T 50123; BS EN 206:13
7.	Hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:08; BS 1377-90; GB/T 50123; BS EN 206:2013
8.	Tổng chất rắn hòa tan	TCVN 8727 : 2012 ; ASTM D4542 – 15; BS 1377-90; GB/T 50123; BS EN 206:2013
9.	Độ PH của đất	TCVN 289:95; TCVN 5979 :07; ASTM D4972 – 19; BS 1377:2018; GB/T 50123; BS EN 206:13
10.	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 8726:12; AASHTO T267; ASTM D2974; BS 1377; BS EN ISO 17892
11.	Độ bền Sunfat	TCVN 6200:1996; ASTM C88; ASTM C1580-05; ISO 22743:2006; BS 1377
ĐẤT SÉT ĐỂ SẢN XUẤT GẠCH NGÓI- THỬ CƠ LÝ		
12.	XĐ độ nhảy khi sấy; Độ co; Độ bền kéo; Độ hút nước; Độ bền nén ;Độ dẻo;Thành phần hạt	TCVN 4345:86
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
13.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93; ASTM C143-10a; AASHTO T119; EN 12350-2; BS 1881
14.	XĐ độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:93
15.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93; ASTM C138; AASHTO T121; EN 12350-6
16.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93; ASTM C232; AASHTO T158; EN 480-4
17.	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93; BS 1881-124
18.	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	TCVN 3111:93; AASHTO T152; ASTM C231; ASTM C173; EN 12350; BS 1881
19.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93; ASTM C642-06; BS 1881-107; BS 1881-114; BS 1881-129
20.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93; ASTM C642; EN 12390-7; BS 1881-122
21.	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:93
22.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93; ASTM C642; EN 12390-7
23.	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:93; ASTM C403
24.	Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117:93; ASTM C157; AASHTO T160
25.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93; AASHTO T22; AASHTO T140; AASHTO T24; BS 1881; ASTM C39; JIS A1108
26.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93; AASHTO T97; AASHTO T177; ASTM C78; ASTM C293; EN 12390-5; BS 1881

27.	Xác định giới hạn bền kéo trục khi bừa	TCVN 3120:93; ASTM C496; ASTM C74; AASHTO T198; AASHTO T97; BS 1881
28.	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12
THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
29.	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06; ASTM C136; AASHTO T27; BS EN 933; BS 812-103
30.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06; ASTM C127; ASTM C128; AASHTO T84+T85; BS 812
31.	XĐ khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06; ASTM C127; AASHTO T85; BS 812
32.	XĐ khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06; ASTM C29; AASHTO T19
33.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06; ASTM C70; AASHTO T142; EN 1097-5; BS 812
34.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06; ASTM C142; AASHTO T112
35.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; ASTM C40-11; AASHTO T21
36.	XĐ cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06; ASTM D2938
37.	XĐ độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06; BS 812-112
38.	Xác định độ hao mài mịn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06; ASTM C131; ASTM C535; AASHTO T96
39.	XĐ hàm lượng hạt toai dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; ASTM D4791; BS 812
40.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06; JIS A1126:07
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
41.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; AASHTO T100; ASTM D854-00; JIS A1202; BS 1377; BS EN ISO 17892
42.	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:12; ASTM D2216; ASTM D4959; ASTM D4683; JIS A1203; BS 1377; BS EN ISO 17892
43.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; AASHTO T89-T90; ASTM D4318-00; JIS A1205; BS 1377:P.2; BS EN ISO 17892
44.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; AASHTO T88-T90-T27; ASTM C136; ASTM D1140; ASTM D421; ASTM D422; ASTM D7928; ASTM D6913/6913M; BS 1377; BS EN ISO 17892
45.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:95; ASTM D3080-98; JGS 0560-0561; AASHTO T236-84; BS 1377; ASTM D6467-13; ASTM D8296-19; ASTM D6528; BS EN ISO 17892
46.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12; ASTM D2435:11; AASHTO T216-T297; JIS A1217; BS 1377:P6; ASTM D4186; BS EN ISO 17892
47.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; AASHTO T99-T180; ASTM 698-00a; JIS A1255; BS 1377; BS 5930; BS EN ISO 17892; 22TCN 333-06; AASHTO T99
48.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12; ASTM D2937; ASTM D7263-09; AASHTO T204-T191-T205-T233; JIS A1255; BS 1377; BS EN ISO 17892
49.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-06; AASHTO T193; ASTM D1883; JIS A1211; BS 1377; BS EN ISO 17892
50.	Đảm nén đất, đá đầm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333-06; ASTM D698; BS 1377
51.	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	TCVN 8868:11; ASTM D2850-03; AASHTO T296-T234; ASTM D4767; D7181; ASTM D5311/ D5311M-13; ASTM D3999/ D3999M-11e1; ASTM D4015-07; BS 1377; JGS 0520-0524; BS EN ISO 17892
52.	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:12; ASTM D4647; BS 1377
53.	Trương nở của đất Sét	TCVN 8719:12; ASTM D 4546 AASHTO T258; ASTM D4943-18; ASTM D4829-21; BS EN ISO 17892; BS 1377
54.	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12; AASHTO T92:88; ASTM D4943-18;



		ASTM D4829-21; BS EN ISO 17892; BS 1377
55.	Khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012; ASTM D4253; ASTM D4254; BS 1377; BS EN ISO 17892
56.	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:12; ASTM D2434; ASTM D5084; JIS A 1218; BS 1377; BS 5930; BS EN ISO 17892
57.	Góc nghỉ của đất rời	TCVN 8724:2012; BS 1377; BS EN ISO 17892
58.	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	BS 1377:P7-99; ASTM D2166; ASTM D2938-95; ASTM D7012; JIS A1216; AASHTO T208; BS EN ISO 17892
59.	Thí nghiệm đo nhiệt trở suất của đất và đá mềm	ASTM D5334-14; ASTM D5930; IEEE 442-2017; BS EN ISO 17892; BS 1377
60.	Thí nghiệm hóa đất ăn mòn	TCVN 12041:17; TCVN 5979:07; TCVN 6656:00; TCVN 8569:10; TCVN 8727:12; BS 1377; GB/T 50123; ASTM 2974; ASTM D4972, ASTM C114; ASTM G162 ; ASTM C1580; ASTM D4373; BS EN 206:13
THÍ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN		
61.	Thử kéo	TCVN 197:14; AASHTO T244; JIS Z2241; BS EN 1002-1; ASTM A370; ASTM E8; AASHTO T68M
62.	Thử uốn	TCVN 198:08; ASTM A438; JIS X2248; ASTM A370; ASTM E290; BS EN 4449-06
63.	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:10; JIS Z3122; AWS D1.1; ASME Sec IX; ASTM E190
64.	Kiểm tra chất lượng mối ống – Thử nén dẹt	TCVN 5402:10
65.	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:91; AASHTO T68
66.	Kiểm tra mối hàn bằng PP siêu âm	TCVN 165:88; BS 3923-1:86
67.	Kiểm tra không phá hủy mối hàn-PP siêu âm	TCVN 1548:87
68.	Kiểm tra không phá hủy – PP thăm thấu	TCVN 4617:88
69.	Kiểm tra không phá hủy – PP dùng bột từ	TCVN 4396:86; ASTM E 709
THÍ NGHIỆM ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH		
70.	Xác định đảm nén chặt; Cường độ kháng ép, Môđun đàn hồi; Độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bão hòa - sấy; Cường độ kháng kéo	22 TCN 59:84
71.	XĐ mô đun đàn hồi của VL gia cố chất kết dính	TCVN 9843:13
72.	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:11; ASTM C496/C496M
73.	Thành phần cấp phối của vật liệu	22 TCN 57:84
PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC XÂY DỰNG		
74.	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88; AASTO T26
75.	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88; AASTO T26
76.	Xác định độ pH	TCVN 6492:11; ASTM D1293 – 18; AASTO T26
77.	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl-)	TCVN 6194:96; ASTM D1253 – 86; ASTM D512
78.	Xác định lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:88
79.	Xác định hàm lượng ion Sunfua	TCVN 6200:96; ASTM D516
THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
80.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11; ASTM D1559; ASTM D6927; BS EN 12697; AASHTO T245
81.	Xác định hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:11; BS EN 12697-1; AASHTO T164; ASTM D2172
82.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11; ASTM C136; AASTO T27; BS EN 933-1
83.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11; ASTM D2041; AASHTO T209; BS EN 12697-5
84.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11; BS EN 12697-6; AASHTO T166; AASHTO T275
85.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
86.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11; AASHTO T304

5

87.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11; BS EN 12697-6; AASHTO T166
88.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11; ASTM D3203; BS EN 12697-6
89.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11; ASTM D3203; BS EN 12697-6
90.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11; ASTM D3203; BS EN 12697-6
91.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11; ASTM D1559; ASTM D6927; BS EN 12697; AASHTO T245
92.	Xác định khối lượng thể tích và KLR trong hỗn hợp của bê tông nhựa	TCVN 8860:11
THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM		
93.	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:05; ASTM D5; AASHTO T49; BS EN 1426
94.	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05; AASHTO T151; ASTM D113
95.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng bi)	TCVN 7497:05; AASHTO T53; ASTM D36; BS EN 1427
96.	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; ASTM D92; AASHTO T48; BS 2000-36
97.	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5 giờ	TCVN 7499:05; AASHTO T47; ASTM D6; 22TCN 319:04
98.	XĐ lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7499:05; AASHTO T47; ASTM D6; 22TCN 319:04
99.	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7500:05; AASHTO T44; ASTM D2042; BS 2000-47; 22TCN 319:04
100.	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7501:05; ASTM D70; AASHTO T228; 22TCN 319:04
101.	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7502:05; TCVN 8818-5:11; EN 12596
102.	XĐ hàm lượng chất thu được khi chưng cất	22 TCN 63:84
103.	Xác định tỷ lệ độ KLNĐ sau khi đun nóng ở 163oC trong 5 giờ so với kim loại ở 25oC	22TCN 279:01
THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
104.	Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng; KLTT và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số hấp nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng; Xác định KLR của bột khoáng chất và nhựa đường	22 TCN 58-84
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY		
105.	XĐ kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09
106.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-2:09; ASTM C67; AASHTO T32
107.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-3:09; ASTM C67; AASHTO T32
108.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 6355-4:09; ASTM C67; AASHTO T32
109.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09
110.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
111.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22 TCN 02-71; TCVN 8729:12; AASHTO T204; ASTM D2937
112.	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:06; ASTM D1556; AASHTO T91
113.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950-98
114.	Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cân Ben kelman	TCVN 8867:11; AASHTO T256; ASTM D4695
115.	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11; AASHTO T221; ASTM D1195
116.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM D965
117.	Đo chuyển vị, độ võng ứng suất cọc cầu	22TCN 170:87
118.	PP không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo	TCVN 9535:12; EN 12504; ASTM C805

5

	siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	
119.	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12
120.	Đo điện trở đất	TCVN 9432:12; TCVN 9385:12; TCVN 4756-89; ASTM Method G57; IEEE Std 81-2012; BS 7022
121.	XĐ môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12; ASTM D4395:08
122.	Đo chuyển vị ngang của nền đất và công trình	TCVN 9399:12; ASTM D6230; BS EN ISO 18674-3:2017; BS 5930
123.	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:12; ASTM D5778; AASHTO T206; EN-ISO 22476-1; BS 5930
124.	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016; ASTM D4945-00; BS 5930; BS EN ISO 22477-4:2018
125.	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D6951; ASTM D1586; BS 5930; BS EN ISO 22476:2
126.	Thí nghiệm cắt cánh cầm tay	TCVN 8725:12; ASTM D4648 / D4648M; BS 5930
127.	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12; ASTM D3689; BS EN ISO 22477-1:2018
128.	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:12; ASTM D5882; BS EN ISO 22477-10:2016
129.	Xác định độ ẩm của đất bằng máy phóng xạ Troxler tại hiện trường	TCVN 9350:12
130.	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng PP siêu âm	TCVN 9396:12; ASTM D6760-08
131.	Thí Nghiệm (CBR) – Ngoài hiện trường	TCVN 8821 : 2011; ASTM D4429-09a
132.	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573-94; BS 5930:99; 22TCN 355:06; BS EN ISO 22476-9:2020
133.	Quan trắc chuyển vị ngang - Inclinator	ASTM D6230; ASTM E2133-03; BS EN ISO 18674-3:17; BS 5930; TCVN 9364:12; TCVN 8215:09
134.	Quan trắc lún sâu - Extensometer	TCVN 8215:09; ASTM D4403; BS EN ISO 18674-2:16
135.	Kiểm tra độ đồng nhất của bê tông bằng phương pháp xung siêu âm; Xác định vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:12
136.	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hồ khoan	TCVN 8731:12; 14TCN 153:06
137.	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp ép nước vào hồ khoan	TCVN 9149:12; 14TCN 83:91
138.	Thí nghiệm hút nước, bơm nước trong hồ khoan	TCVN 9148:12 ; ASTM D4105; BS 5930
139.	Thí nghiệm đo mực nước và áp lực nước lỗ rỗng	TCVN 8869:11; ASTM D6067 / D6067M-17; BS 5930
140.	Đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất	ASTM D4630; TCVN8869:11; BS 5930; ASTM D6067/D6067M-17
141.	Thí nghiệm xuyên tĩnh và đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTU)	TCVN 9846:13; ASTM D5778; BS 5930; AASHTO T206; EN-ISO 22476-1
142.	Thí nghiệm nén ngang	ASTM D4719; BS EN ISO 22476-4:2012; BS 5930
143.	Khoan lấy mẫu nguyên dạng	TCVN 2683:2012; TCVN9437:2012; ASTM D1452; BS 5930
144.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:12; ASTM D1586; JIS A1219; BS EN ISO 22476-3:2005; BS1377
145.	Thí nghiệm vi xuyên	ASTM WK27337 ASTM 1558; BS 5930
146.	Thí nghiệm xuyên trọng lực Swedish	JIS A 1221:02
147.	Thí nghiệm Địa chấn hồ khoan	ASTM D4428/D4428M-14; ASTM D7400 /D7400M-19; ISO 19901-8:2014; STP1101

148.	Xác định thành phần cỡ hạt của đá dăm (sỏi)	22 TCN 57:84;
THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT		
149.	Đo độ dày vải tiêu chuẩn	ASTM D5199; TCVN 8220:13
150.	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	ASTM D5261; TCVN 8221:13; ASTM D3776
151.	Kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	ASTM D4751; TCVN 8871-6:11
152.	Xác định độ bền chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8871-1:11; ASTM D4632; ASTM D4595; ASTM D5034
153.	Xác định sức trục thủng bằng phương pháp rơi côn	BS 6906 P.6; 14TCN 95:96
154.	Xác định độ thấm xuyên	ASTM D4491
155.	Xác định độ dẫn nước	14TCN 98:96; ASTM 4716:03
156.	Kích thước lỗ rỗng của Vải địa kỹ thuật và vỏ lọc của Bấc thấm	22TCN 12:03; ASTM 4716:03
157.	Khả năng chống xuyên CBR của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-3:11; ASTM D4833-91; BS 6906 P4
158.	Cường độ kháng xuyên của vải địa kỹ thuật	ASTM D4833
159.	Khả năng thoát nước của vải địa kỹ thuật và bấc thấm	ASTM D4716

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

5



PHẦN III: HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

PART III: PICTURES OF COMPANY ACTIVITIES





Dự án Nâng cấp cải tạo Cảng hạ lưu PTSC – Tp. Vũng Tàu
Project of upgrading and renovating PTSC downstream port - Vung Tau city



Dự án nhà máy điện mặt trời Sunseap – Tỉnh Ninh Thuận
Sunseap solar farm – Ninh Thuan province



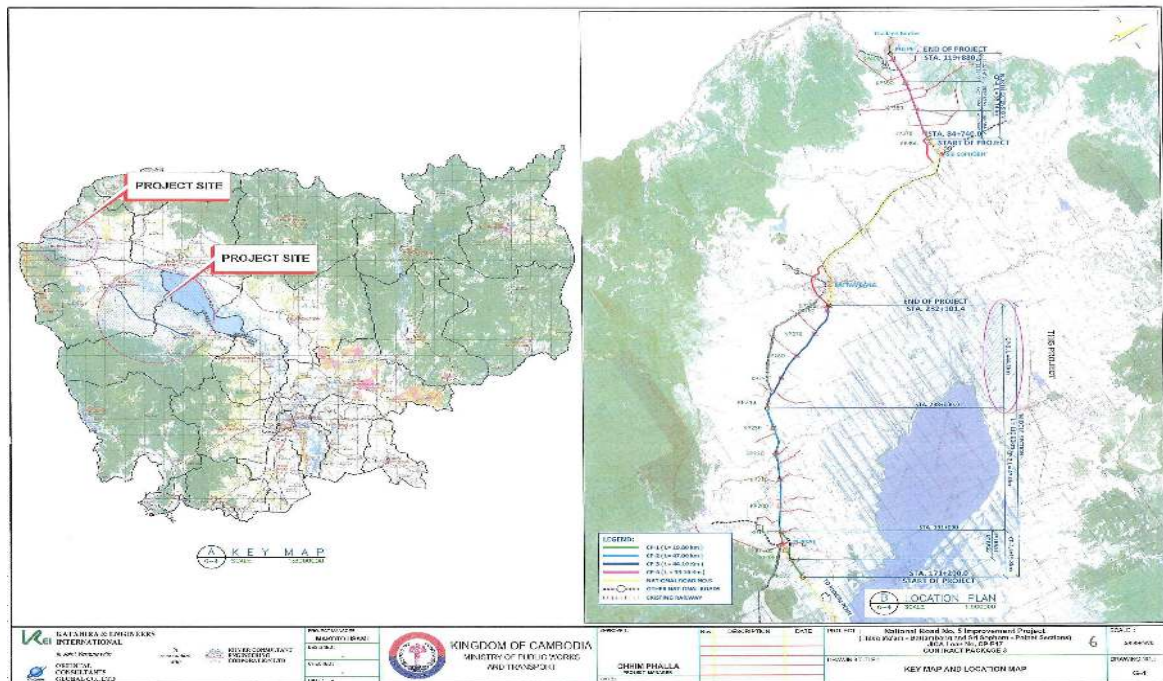
Thiết kế và thi công nhà biệt thự khu nhà ở Long Toàn 2 -Tp. Bà Rịa
Design and construction of villas in Long Toan 2 -Tp. Ba Ria



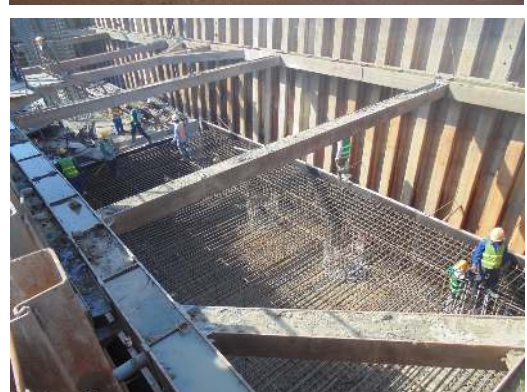
Dự án Nhà máy Điện gió Bạc Liêu
Bac Lieu Wind farm project



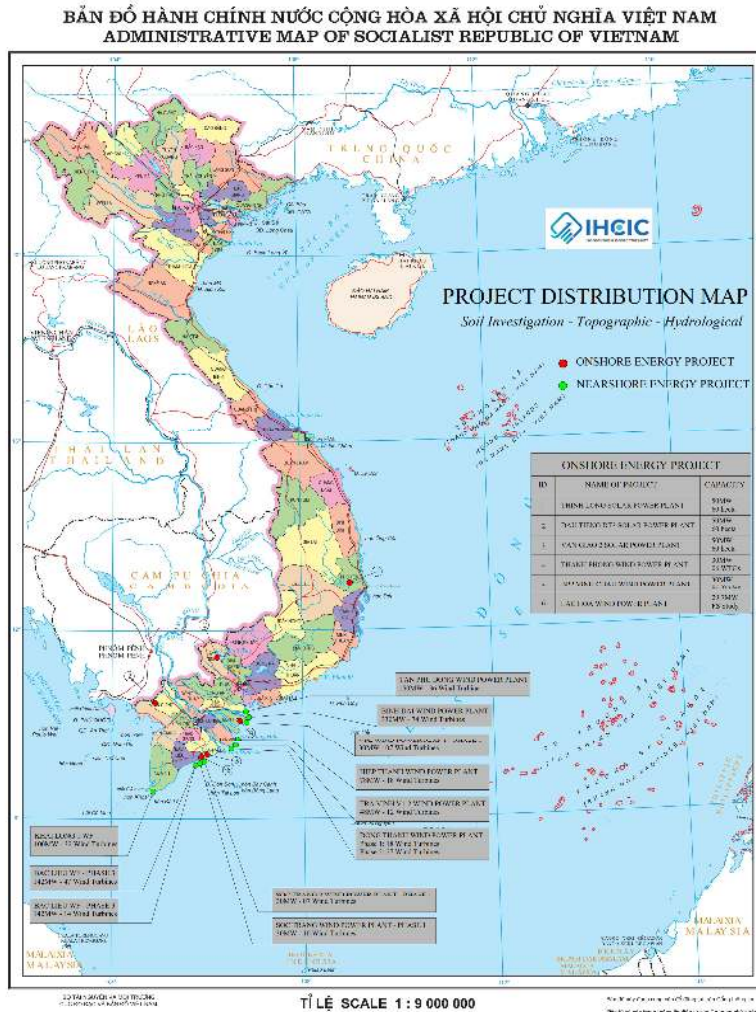
Dự án Nhà máy NPK Phú Mỹ
NPK Phu My Plant Project



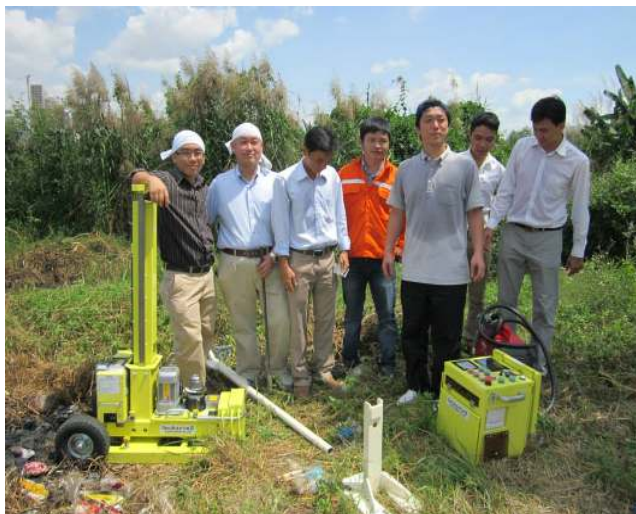
Dự án Nâng cấp Quốc Lộ No.05 – Vương quốc Campuchia
Upgrading National Road No.05 project – Kingdom of Cambodia



Dự án Đường cao tốc Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây
Ho Chi Minh - Long Thanh - Dau Giay Expressway Project



Bản đồ và Hình ảnh minh họa các Dự án Điện năng lượng tái tạo đã thực hiện (tính đến 1/8/2022)



Một số hình ảnh kỷ niệm với chuyên gia nước ngoài cùng tham gia Dự án trọng điểm
Some commemorative photos with foreign experts participating in key projects